UỶ BAN NHÂN DÂN **XÃ KON GANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 74/KH-UBND	*Kon Gang, ngày 27 tháng 6 năm 2022*

KẾ HOẠCH
Phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng năm 2023

Thực hiện Công văn số 1118/UBND-KT, ngày 31/5/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Đak Đoa về việc đánh giá ước thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022 và dự kiến Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023. Ủy ban nhân dân xã xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 như sau:

PHẦN THỨ NHẤT
ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2022

I. BỐI CẢNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2022

II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Công tác chỉ đạo, điều hành.

2. Kết quả thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm và ước năm 2022:

2.1. Về tình hình kinh tế:

Trồng trọt: Lúa Đông - Xuân gieo trồng được 109/109 ha, đạt 100% kế hoạch; hiện tại đã thu hoạch xong, năng suất khoảng 3,5 tấn/ha. Các cây trồng phát triển bình thường, không có sâu bệnh xảy ra. Cây dài ngày: Cây cà phê đang trong giai đoạn cắt cành tạo tán, bón phân đợt 1, cây tiêu đã thu hoạch xong, năng suất khoảng 3 tấn/ha.

Chăn nuôi – Thú y: Đàn gia súc, gia cầm phát triển bình thường, ổn dịnh, không có dịch bệnh xảy ra. UBND xã tiếp tục triển khai, hướng dẫn Nhân dân thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch cúm gia cầm, dịch tả lợn Châu Phi và viêm da nổi cục trên đàn bò. Đã triển khai phun 08 lít hóa chất BencoCid trên 5/5 thôn làng, tiêm phòng 50 liều thuốc bệnh dại chó.

Công tác phát triển rừng, quản lý và bảo vệ rừng: Duy trì hoạt động của các tổ đội quần chúng bảo vệ rừng, thường xuyên tuần tra, kiểm soát ngăn chặn tình trạng vi phạm trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ rừng. Triển khai hướng dẫn chăm sóc rừng, phòng chống cháy rừng. Củng cố, kiện toàn ban chỉ huy PCCCR

mùa khô năm 2021-2022, Xây dựng phương án PCCCR mùa khô 2021-2022, củng cố tổ đội phòng cháy chữa cháy rừng tại các thôn gần rừng. Trong 6 tháng đầu năm, không phát hiện vụ phá rừng, cháy rừng nào làm ảnh hưởng đến tài nguyên rừng.

UBND xã đã tổ chức tuyên truyền công tác trồng rừng năm 2022 bằng nhiều hình thức như họp các nhóm dân cư, tuyên truyền bằng loa lưu động, sau khi các hộ đăng ký trồng rừng, đã cử Kiểm lâm địa bàn phối hợp với Địa chính đi kiểm tra xác định cụ thể vị trí đăng ký trồng rừng. Tổng diện tích đăng ký trồng rừng tập trung năm 2022 (tính đến ngày 23/5/2022) là: 60,41/39 hộ hộ đạt 151% Kế hoạch giao (KH giao 40 ha)[1].

Công tác phòng chống thiên tai: UBND xã đã xây dựng Kế hoạch và Phương án phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2022. Trong 6 tháng đầu năm, xảy ra 01 đợt mưa lớn kèm theo gió lốc đã gây ra một số thiệt hại về vật chất[2], không có thiệt hại về người. UBND xã đã vận động Nhân dân nhanh chóng thu hoạch nông sản, chín tới đâu thu hoạch tới đó để tránh bị thiệt hại khi có mưa bão xảy ra; chằng níu lại một số loại cây trồng như hồ tiêu, chanh dây, rau màu…Vận động Nhân dân chằng chống nhà cửa, cảnh báo không đi qua khu vực nước sâu, chảy xiết. Ủy ban nhân dân xã đã cử các lực lượng đến từng hộ vận động Nhân dân tự khắc phục đồng thời huy động lực lượng dân quân, Đoàn thanh niên, Ban nhân dân và hộ gia đình khắc phục các thiệt hại. Đã triển khai cấp 1.150.000 đồng cho 07 hộ bị thiệt hại lúa để khắc phục thiệt hại do mưa, bão, áp thấp nhiệt đới gây ra 10 tháng đầu năm 2021 theo định số 880/QĐ-UBND ngày 30/3/2022 của UBND huyện Đak Đoa.

Chương trình Nông thôn mới: Đến thời điểm hiện tại, xã đã đạt 12/19 tiêu chí[3]. UBND xã đã xây dựng kế hoạch thực hiện năm 2022, đăng ký hoàn thành tiêu chí 18-hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật.

Công tác quản lý nhà nước về tài nguyên, môi trường:

---

[1] Trong đó:

- Diện tích đăng ký trồng rừng trong quy hoạch lâm nghiệp (thuộc dự án hỗ trợ đầu tư) là: 55,31 ha/ 33 hộ, đạt 221,2% kế hoạch giao (KH giao 25ha).

- Diện tích đăng ký trồng rừng ngoài quy hoạch lâm nghiệp (trồng thuộc nguồn vốn khác) là: 5,1 ha/06 hộ, đạt 34% kế hoạch giao (KH giao 15 ha)

- Đăng ký trồng cây phân tán: 335 cây.

[2] Vào lúc 14 giờ 45 phút đến 15 giờ 30 phút ngày 18/3/2022. Cụ thể:

- Về nhà cửa, cơ sở vật chất: Nhà chính: 03 nhà bị tốc mái; Về công trình Phụ: có 05 hộ bị tiệt hại. (Trong đó: 03 công trình phụ, 02 mái hiên bị tốc một phần). Về công trình công cộng: 01 nhà rông bị tốc mái hoàn toàn. Trường TH và THCS Đinh Tiên Hoàng: bị tốc khoảng 28 m2 mái hiên và mái nhà công vụ. Trụ sở UBND xã: Tốc 1/2, mái nhà bảo vệ 21m2

- Về sản xuất nông nghiệp:

+ Cây công nghiệp dài ngày:

Cây Cao su: ảnh hưởng thiệt hại khoảng 4 ha thiệt hại mức từ 30%-70%.

Cây Hồ tiêu: đổ ngã khoảng 400 trụ tiêu, thiệt hại 0,4 ha mức từ 30-70%

+ Cây ngắn ngày: chưa thiệt hại

[3] Gồm: Tiêu chí số 1-Quy hoạch; tiêu chí số 03-Thủy lợi; tiêu chí số 4- Điện; Tiêu chí số 7 - Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn; tiêu chí số 8-Thông tin và truyền thông; tiêu chí số 12-Lao động có việc làm; tiêu chí số 13-Tổ chức sản xuất; tiêu chí số 14-Giáo dục; tiêu chí số 15-Y tế; tiêu chí số 16-Văn hóa; tiêu chí số 19-Quốc phòng, An ninh; Tiêu chí số 6-cơ sở vật chất văn hóa.

Triển khai kiểm tra, thống kê đất công trên địa bàn xã, tiếp và giải quyết 15 hồ sơ đất đai[4].

Thường xuyên kiểm tra việc xây dựng trái phép trên địa bàn xã, vi phạm chỉ giới xây dựng, trong 6 tháng đầu năm đã phát hiện 03 hộ dân xây dựng nhà trên đất nông nghiệp, UBND xã đã chỉ đạo công chức chuyên môn lập biên bản, mời làm việc và ra thông báo đình chỉ xây dựng.

Công tác thu chi tài chính: Tổng thu Ngân sách Nhà nước trên địa bàn đến 31/5/2022 thu được 2.953.209.264 đồng/4.705.000.000 đồng đạt 62,77%. Tổng thu Ngân sách xã đến 31/5/2022 thu được 2.810.561.843 đồng/4.571.200.000 đồng đạt 61,48%[5]. Tổng chi Ngân sách xã đến 31/5/2022: 1.927.575.181 đồng/4.571.200.000 đồng đạt 42,16%.

Công tác đầu tư xây dựng cơ bản: Thực hiện Quyết định số 882/QĐ-UBND ngày 31 tháng 3 năm 2022 của UBND huyện Đak Đoa về việc phân bổ vốn Chương trình kiên cố hóa hạ tầng giao thông và kênh mương năm 2022. UBND xã đã thực hiện phân khai vốn, phê duyệt báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật xây dựng công trình: Đường giao thông KDC Tam Điệp, thôn Ktu, xã Kon Gang. Hạng mục: Nền, mặt đường và công trình thoát nước. UBND xã đã đăng tải thông tin chào hàng cạnh tranh trên hệ thống mạng đấu thầu Quốc gia, đã mở thầu, đang hoàn thiện thủ tục xét thầu và ký hợp đồng với đơn vị thi công xây dựng công trình.

2.2. Văn hóa - Xã hội:

Giáo dục – Đào tạo: Nhà trường thực hiện tốt nhiệm vụ công tác dạy và học năm học 2021-2022, triển khai thực hiện nghiêm các biện pháp phòng, chống dịch trước khi học sinh đến trường. Hiện nhà trường đã tổ chức cho học sinh thi học kỳ 2; chuẩn bị cho công tác tổng kết năm học 2021-2022. Triển khai phục vụ công tác kiểm tra đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ của Ban Chỉ đạo PCGD, XMC huyện.

Văn hóa, thông tin, thể thao:

Tuyên truyền chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của nhà nước. Tiếp tục tuyên truyền, vận động người dân thực hiện tốt các biện pháp phòng, chống dịch Covid theo nguyên tắc 5K. Tổ chức viếng các Liệt sĩ tại Nhà Bia tưởng niệm các Anh hùng Liệt sỹ của xã. Triển khai cho Ban nhân dân thôn chỉnh trang cổng chào, dọn dẹp đường làng ngõ xóm, treo cờ trong các dịp lễ, Tết.

Tham gia Đại hội TDTT huyện Đak Đoa lần thứ VII năm 2022 với gần 40 vận động viên, tranh tài 08 môn/27 nội dung thi đấu.

Y tế, dân số - gia đình và trẻ em:

---

[4] Trong đó

- Cấp mới: Tiếp nhận và giải quyết 9 hồ sơ cấp mới, đã trả kết quả 8 hồ sơ , 01 hồ sơ không đủ điều kiện.
- Cấp đổi: Tiếp nhận và giải quyết 6 hồ sơ cấp đổi đã trả kết quả 4 hồ sơ, 02 không đủ điều kiện đã trả hồ sơ.

[5] Trong đó: Thu phí, lệ phí: 11.685.000đ/7.000.000đ đạt 166,93%, thu khác và phạt các loại: 70.428đ/30.000.000đ đạt 0,23%, thu thuế giá trị gia tăng: 2.235.046đ/3.000.000đ đạt 74,50%, thu thuế thu nhập cá nhân: 320.482.784đ/277.200.000đ đạt 115,61%, thu lệ phí trước bạ nhà đất: 80.267.585đ/ 32.000.000đ đạt 250,84%.

Về y tế: Tổng số lượt khám và điều trị tại trạm trong tháng là: 603 lượt. Các chương trình Y tế quốc gia: *Chương trình tiêm chủng mở rộng:* 45% trẻ được tiêm chủng đủ liều. *Chương trình phòng chống suy dinh dưỡng:* trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng đạt tỷ lệ 15,7%. Lấy lam máu xét nghiệm 250/250 lam đạt 100% kế hoạch giao.

Công tác Dân số - Kế hoạch hóa gia đình: Tổ chức làm dịch vụ Kế hoạch hóa gia đình vào ngày 16 hàng tháng. Duy trì công tác theo dõi thông tin biến động nhân hộ khẩu và Kế hoạch hóa gia đình ở các thôn, làng.

Công tác phòng, chống dịch Covid-19:

UBND xã tiếp tục triển khai chỉ đạo các thành viên BCĐ phòng, chống dịch Covid-19 xã, cán bộ, công chức xã phối hợp với thôn nắm tình hình và kịp thời báo cáo khi có các vấn đề phát sinh; vận động người dân đề cao cảnh giác, không chủ quan, lơ là, tuyên truyền, phản bác các thông tin tiêu cực, không đúng về tình hình dịch bệnh, gây tâm lý hoang mang trong dân; thực hiện nghiêm các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19, tuyên truyền mục đích, ý nghĩa của việc tiêm vắc xin phòng Covid-19, vận động người dân đi tiêm đầy đủ, tuyên truyền công tác tiêm chủng cho trẻ từ 5 đến dưới 12 tuổi, tạo sự đồng thuận trong Nhân dân.

Kết quả tiêm chủng trên địa bàn xã (tính đến ngày 26/5/2022):

- Tổng số công dân từ 12 tuổi trở lên là: 3153 người. (Trong đó: Số đi làm ăn xa, đi học xa là: 150 người; Số đi tù là: 8 người; Số đang thực hiện nghĩa vụ là: 21 người). Tổng số công dân từ 12 tuổi trở lên có mặt tại địa bàn xã là: 2974 người.

- Tổng số lượng mũi tiêm vac xin Mũi 1 trên địa bàn xã theo thống kê là 2912 mũi tiêm (Từ 12 tuổi trở lên). Trong đó:

+ Từ 12 đến 17 tuổi: Đã tiêm vắc xin Mũi 1 là 524/536 (12 trường hợp ốm, đau, bệnh nền, khuyết tật), đạt 97,7%; đã tiêm đủ mũi là 524/524 đã tiêm đạt 100%.

+ Từ 18 tuổi trở lên: Đã tiêm vac xin Mũi 1 có 2388/2438 người là công dân trên địa bàn xã (50 người chưa tiêm mũi 1); đạt tỷ lệ 98%. Đã tiêm đủ mũi: 2383 người đạt 99,8% (05 người chưa tiêm mũi 2).

- Tỷ lệ bao phủ vắc xin Mũi 1 trên địa bàn xã (Từ 12 tuổi trở lên, có mặt tại địa phương): 2912/2974 đạt 98% (Trong đó có 62TH chưa tiêm chiếm 2%: do ốm đau, bệnh nền, khuyết tật); Số đã được tiêm đủ mũi: 2907/2912 người đạt 99,8% (Trong đó 05 TH chưa tiêm mũi 2 chiếm 0,2%: do chưa có thuốc phân bổ về và mới tiêm mũi 1 nên chưa đủ thời gian tiêm).

- Tổng số các đối tượng tiêm mũi tăng cường là: 2170/2438 người từ 18 tuổi trở lên, đạt 89%.

- Tổng tiêm cho đối tượng trẻ từ 5 đến dưới 12 tuổi là 367 trẻ, đạt 97% số lượng vắc xin được phân bổ theo Kế hoạch của huyện. (Có 11 trẻ chưa tiêm do gia đình không đồng ý tiêm).

Lao động – Thương binh và Xã hội:

Nhân dịp tết Nguyên đán Nhâm Dần 2022, được sự quan tâm của các cấp, chính quyền đã trao tặng nhiều suất quà cho các đối tượng người có công, gia đình chính sách, hộ nghèo khó khăn[6]. Cấp 3.780kg gạo cho 30 hộ có nguy cơ đói trong dịp tết và đói giáp hạt năm 2022, 1.380 kg gạo cho 22 hộ có nguy cơ đói do Covid-19.

Ban Chỉ đạo thực hiện hỗ trợ nhà ở cho người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ xã Kon Gang họp xét 06 hộ gia đình người có công và thân nhân liệt sĩ khó khăn về nhà ở, kết quả 02 hộ đủ điều kiện sửa chữa, 01 hộ đủ điều kiện đề nghị xây mới, 03 hộ không đủ điều kiện đề nghị hỗ trợ (do 02 hộ đã được hỗ trợ nhưng không ở, 01 hỗ đã có nhà, giá trị sử dụng còn tốt).

Ban chỉ đạo rà soát Hộ nghèo, Hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình họp xét bổ sung 03 khẩu vào hộ nghèo, lý do: mới sinh và đăng ký khai sinh. Hội đồng xét duyệt trợ giúp xã hội họp xét 38 hồ sơ trẻ em dưới 36 tháng tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo ở làng đặc biệt khó khăn đề nghị trợ cấp xã hội hàng tháng; điều chỉnh 02 hồ sơ người cao tuổi theo Nghị định 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 về qui định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội. In và cấp 409 giấy chứng nhận hộ nghèo, 177 giấy chứng nhận hộ cận nghèo cho 586 hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn xã theo quy định.

Hoàn thành 02 căn nhà tình nghĩa cho hộ nghèo khó khăn về nhà ở, do đồng chí Bí thư Tỉnh ủy Gia Lai hỗ trợ 100.000.000 đồng từ nguồn kinh phí phục vụ hoạt động xã hội. Công huy động đóng góp của các hộ gia đình 50 công/mỗi hộ. Việc hỗ trợ nhà ở cho hộ gia đình khó khăn về nhà ở đã giúp gia đình được sống trong ngôi nhà khang trang, an toàn. Các hộ được hỗ trợ vui mừng, phấn khởi, yên tâm lao động sản xuất, phát triển kinh tế gia đình.

Hội đồng xét duyệt đối tượng BTXH họp xét 42 hồ sơ, đề nghị cấp trên xem xét, trợ cấp hàng tháng; họp xét cắt giảm 21 hồ sơ hết độ tuổi hưởng; 01 hồ sơ đề nghị hỗ trợ mai táng phí. Tiến hành cấp phát thẻ BHYT cho các đối tượng theo quy định.

Phối hợp với các hội, đoàn thể xã tuyên truyền, vận động người lao động tham gia hội chợ việc làm và phiên giao dịch việc làm được tổ chức tại huyện Đak Đoa.

Công tác Dân tộc – Tôn giáo:

---

[6] Quà của chủ tịch nước cho người có công: 71, mỗi suất 300.000đ**;** Quà Tỉnh ủy cho hộ nghèo, gia đình người có công: 25 suất; Quà UBMTTQ VN Tỉnh cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ bị ảnh hưởng do Covid: 20 suất, mỗi suất 1000.000đ; Quà tỉnh tặng: 102 suất cho đối tượng bảo trợ xã hội, mỗi suất 200.000; 33 suất quà cho người có công, mỗi suất 200.000, 2 suất gia đình có công tiêu biểu, mỗi suất 1.000.000đ; Quà huyện tặng 19 suất quà cho người có công mỗi suất 500.000đ, Bí thư Huyện ủy cho hộ nghèo: 5 suất; Ngân hàng SHB chi nhánh Đak Đoa tặng 10 suất quà cho 10 gia đình có hoàn cảnh khó khăn; Quà Ngân hàng BIDV cho hộ nghèo: 30 suất, mỗi suất 500.000đ; Quà Ngân hàng nông nghiệp cho hộ nghèo:10 suất, mỗi suất 500.000đ; Điện lực huyện tri ân 8 khách hàng thuộc gia đình khó khăn 08 sổ bảo hiểm điện và 08 phần quà; Quà của xã cho người có công: 30 suất, mỗi suất 300.000đ; Quà của Hội chữ thập đỏ cho hộ gia đình khó khăn: 20 suất, mỗi suất 100.000đ; Quà Công an xã cho hộ nghèo: 30 suất; mỗi suất 200.000đ.

Tiếp tục triển khai các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19 trong các hoạt động sinh hoạt tôn giáo, cơ bản các điểm nhóm đã thực hiện theo đúng quy định và cam kết với chính quyền địa phương. UBND xã đã xây dựng lịch trực và phân công cán bộ, công chức xã trực 24/24h tại thôn, nắm chắc tình hình tổ chức Lễ tại các điểm nhóm; chỉ đạo Công an xã, BCH Quân sự xã triển khai lực lượng trực, tuần tra, kiểm soát địa bàn; tình hình ANCT và TTATGT ổn định, không có vấn đề phát sinh.

2.3. Nội chính

Công tác Quân sự địa phương:

- Tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện có hiệu quả các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác Quốc phòng – Quân sự địa phương[7]. Ban hành các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo tốt công tác Quốc phòng – Quân sự địa phương theo từng lĩnh vực.

- Xây dựng lực lượng dân quân: UBND xã điều chỉnh, xây dựng lực lượng dân quân cho phù hợp[8]; chất lượng chính trị, độ tin cậy từng bước được nâng cao, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ.

- Đăng ký, quản lý 60 đồng chí quân nhân dự bị hạng 1 và 612 đồng chí quân nhân dự bị hạng 2. Rà soát, tổ chức đăng ký nghĩa vụ quân sự tuổi 17 được 36 công dân. Chỉ đạo Hội đồng NVQS xã làm tốt công tác tuyển quân, bảo đảm chất lượng, tổ chức xét duyệt thực lực độ tuổi sẵn sàng nhập ngũ (18–25) được 195 công dân, đạt tỷ lệ 4,8% so với tổng dân số. Phát lệnh gọi khám tuyển nghĩa vụ quân sự năm 2022, 42 công dân, kết quả có 24 công dân đủ điều kiện sức khỏe. Phát lệnh gọi nhập ngũ 12 công dân, tổ chức giao quân 12 công dân, đạt 100% chỉ tiêu. Tổ chức tổng kết công tác tuyển quân năm 2022 đúng thời gian quy định. Đón 11 quân nhân hoàn thành nghĩa vụ trở về địa phương.

- Cử cán bộ Ban chỉ huy quân sự xã tham gia tập huấn 4/4 đạt 100% chỉ tiêu huyện giao. Làm tốt công tác chuẩn bị, tham gia luyện tập chuyển trạng thái SSCĐ theo đúng kế hoạch của Ban CHQS huyện.

- Chỉ đạo tổ chức tốt việc bồi dưỡng, tập huấn, nâng cao năng lực tham mưu đề xuất, trình độ huấn luyện của cán bộ Ban CHQS xã kết hợp với chuẩn bị kế hoạch, giáo án để huấn luyện lực lượng dân năm thứ nhất theo đúng nội dung, đủ chương trình.*(huấn luyện lực lượng dân quân năm thứ nhất, quân số: 16 đồng chí, thời gian 15 ngày: Từ ngày 4/04 đến ngày 18/4/2022). Kết quả đạt khá.*

---

[7] Quán triệt Nghị quyết TW8 (khóa XI) " Về chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới"; Nghị định số 02/2019/NĐ-CP, ngày 02/01/2019 của Chính phủ " Quy định chi tiết thi hành một số diều Luật Quốc phòng, tình trạng khẩn cấp về quốc phòng, thiết quân luật, giới nghiêm"; *Chỉ thị số 01-CT/HU ngày 28/12/2021* của Huyện ủy về công tác quốc phòng, quân sự địa phương năm 2022. Nghị quyết số 28-NQ/ĐU ngày13/12/2021 của Đảng ủy Quân sự huyên về nhiệm vụ quốc phòng, quân sự địa phương. Mệnh lệnh số 01/ML-BCH ngày 30/12/2021 của Chỉ huy trưởng Ban CHQS huyện Đak Đoa về Công tác quốc phòng, quân sự địa phương. Nghị quyết số 14-NQ/ĐU ngày 07/01/2022 của Đảng ủy xã Kon Gang về nhiệm vụ quốc phòng, quân sự địa phương.

[8] Tổng số cán bộ chiến sỹ trong lực lượng là 65 đồng chí, đạt 1,56% so với tổng dân số. Tỷ lệ luân phiên: cho ra 16 đ/c, kết nạp mới 16 đ/c; nữ dân quân 7 đ/c, đạt 10,6% so tổng số dân quân; đội ngũ cán bộ Ban chỉ huy quân sự xã, trung đội trưởng, tiểu đội trưởng, thôn đội trưởng đúng, đủ theo biên chế.

Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội:

Về an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội: Nhìn chung, tình hình an ninh chính trị trên địa bàn xã ổn định. Trong 6 tháng đầu năm 2022, địa bàn xảy ra 04 vụ phạm pháp hình sự[9]; Công an xã đã báo cáo chuyển hồ sơ đến Công an huyện điều tra, xử lý theo quy định.

Về An toàn giao thông: Trên địa bàn xảy ra 01 vụ tai nạn giao thông [10], hiện Công an xã đã lập hồ sơ ban đầu chuyển Công an huyện thụ lý, giải quyết. Tiến hành tuần tra kiểm soát giao thông 16 đợt; qua đó, nhắc nhở: 20 trường hợp người dân tham gia giao thông thực hiện đúng các quy định của Luật giao thông; tiến hành phát hiện 10 trường hợp vi phạm ra quyết định xử phạt với số tiền: 5.000.000đ (năm triệu đồng chẵn).

Về công tác quản lý nhân hộ khẩu: Chỉ đạo Công an xã tham mưu, thực hiện có hiệu quả Đề án 06; ngoài ra, thường xuyên tổ chức tuần tra, kiểm tra lưu trú, tạm trú ban đêm, kiểm tra: qua đó, đã tổ chức 10 đợt kiểm tra, hướng dẫn, nhắc nhở công dân thực hiện khai báo lưu trú, tạm trú theo quy định.

Công tác quản lý, giáo dục đối tượng: Công an xã thường xuyên tổ chức gọi hỏi, tiến hành răn đe, giáo dục số đối tượng trong diện quản lý, số đối tượng đang chấp hành, đã chấp hành xong án phạt tù về địa phương; số thanh thiếu niên hư, số thanh thiếu niên thường xuyên vi phạm giao thông….

Công tác Tư pháp:

---

[9] Cu thể:

Vụ thứ 1: Vào lúc13h00 ngày 17/01/2022, Công an xã Kon Gang nhận được tin báo của công dân Lê Hiếu (sn: 1963, HKTT: Thôn Kóp, xã Kon Gang) về việc: chiều ngày 16/01/2022 nhà ông Hiếu bị kẻ gian đột nhập trộm mất một số tài sản gồm: 01 điện thoại di động trị giá 4,6 triệu đồng; 5,5 triệu đồng tiền mặt.

Vụ thứ 2: Vào khoảng 19 giờ 30 phút ngày 7/4/2022 Đồng Văn Tiền SN: 1991, trú tại Thôn Krai, xã Kon Gang, đến quán nhậu Trọng Diệu tại thôn Kop, xã Kon Gang uống rượu với anh Trọng (chủ quán), tại quán nhậu, ngồi bàn bên cạnh có anh Lê Văn Thắng (SN: 1993 trú ở thôn Kop, xã Kon Gang) cùng với 3 thanh niên uống rượu, đến khoảng 20 giờ 30 phút giữa hai bên xảy ra mâu thuẫn giữa anh Tiền và anh Thắng; sau đó, anh Tiền dùng dép ném vào người anh Thắng, anh Trọng có can ngăn sự việc. Lúc này, anh Trọng và Tiền đi chơi một lúc sau Tiền quay lại quán anh Trọng lấy áo lạnh giữa Tiền và Thắng có có lời qua tiếng lại, Tiền lấy một đoạn cây (cây cà pê) bên cạnh nhà đánh vào anh Thắng nhiều cái, anh Thắng có dung tay đỡ và bỏ chạy. Hậu quả: anh Thắng bị thương tích, gãy tay, hiện đang điều trị tại bệnh viện đa khoa tỉnh Gia Lai.

Vụ thứ 3: Vào khoảng 11 giờ 20 phút ngày 08/5/2022; lúc này gia đình chỉ có cháu Nguyễn Chí Thuận (sn:2011) đang ở nhà; thì có 01 thanh niên đi xe màu trắng, đội mũ bảo hiểm kín đầu, đeo khẩu trang; mặc áo khoác xám đến đưa cho 01 gói chất xử lý hữu cơ và nói cháu đổ vào nhà vệ sinh; cháu Thuận làm theo. Khi đi ra, người thanh niên đó đã bỏ đi và mang theo 01 (một) chiếc laptop đang để trên bàn. Sau đó, gia đình có đến Công an xã để trình báo sự việc.

Vụ thứ 4: Vào khoảng 12 giờ 00 phút ngày 08/5/2022; lúc này gia đình có bà Nguyễn Thị San (sn:1949) và 02 cháu Nguyễn Trúc Quỳnh (sn:2010); Nguyễn Kim Anh (sn:2014) đang ở nhà; thì có 01 thanh niên đi xe màu trắng, đội mũ bảo hiểm kín đầu, đeo khẩu trang; mặc áo khoác xám đến đưa cho 02 gói chất xử lý hữu cơ và nói cháu đổ vào nhà vệ sinh và chuồng gà; sau đó bà San và 02 cháu làm theo lời của người thanh niên trên. Khi xong việc đi ra, người thanh niên đó đã bỏ đi và mang theo 02 (một) chiếc điện thoại đang để trên bàn. Sau đó, gia đình có đến Công an xã để trình báo sự việc.

[10] Vào lúc 16h00 ngày 12/02/2022, tại đoạn đường liên thôn (thôn Dung Rơ – thôn Klót) xảy ra 01 vụ tai nạn giao thông giữa xe môtô mang BKS: 81B2 – 923.36 do ông Blim (sn: 2001, trú tại: Thôn KDập, xã H'Neng) là người điều khiển chở theo sau ông Lôi (sn: 1998; trú tại: Thôn KDập, xã H'Neng) và ông A Lam (sn: 2003; trú tại: Thôn KDập, xã H'Neng) (có sử dụng rượi, không đội mũ bảo hiểm; mang theo 01 loa đang phát nhạc) lưu thông theo hướng thôn Dung Rơ đi thôn Klót khi đến đoạn khúc cua đã va chạm với 01 xe công nông do ông Nô (sn: 2004, trú tại: Thôn Dung Rơ, xã Kon Gang) đang lưu thông theo hướng ngược lại. Hậu quả: làm 02 người bị thương (trong đó: 01 người bị thương nặng).

Công tác tuyên truyền: Uỷ ban nhân dân xã đã tổ chức tuyên truyền phổ biến pháp luật đến Nhân dân trên địa bàn xã bằng loa lưu động và loa FM hằng ngày. Các văn bản tuyên truyền là Luật Hôn nhân gia đình, Luật Hộ tịch, Luật đất đai, Luật Bảo vệ và phát triển rừng, Luật Nghĩa vụ quân sự, Các văn bản tuyên truyền phòng chống dịch Covid-19 theo hướng dẫn của cấp trên…

Tổng số lượt đăng ký khai sinh trong 6 tháng đầu năm 2022 là 41 trường hợp. Đăng ký kết hôn là 15 trường hợp. Đăng ký khai tử là 06 trường hợp. Xác nhận tình trạng hôn nhân 21 trường hợp. Tổng số hồ sơ chứng thực là 230 hồ sơ [11].

Trong 6 tháng đầu năm, UBND xã tiếp nhận 02 đơn kiến nghị giải quyết về lĩnh vực đất đai, tuy nhiên sau khi tiến hành xác minh thì đã tự xin rút đơn.

Triển khai thực hiện Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo mô hình Một cửa hiện đại của UBND huyện; áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được:

Đến thời điểm hiện tại, Ủy ban nhân dân xã đã bám sát nhiệm vụ, chương trình công tác đề ra, đã hoàn thành đạt một số chỉ tiêu huyện giao về sản xuất; kinh tế - xã hội phát triển theo hướng tích cực; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững; đời sống Nhân dân cơ bản ổn định và có phần được cải thiện, không xảy ra thiếu đói; thực hiện tốt công tác phòng, chống dịch Covid-19 trên địa bàn. Chất lượng dạy và học, công tác chăm sóc sức khỏe cho Nhân dân được quan tâm; công tác thông tin, tuyên truyền bám sát chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Hệ thống chính trị tiếp tục được củng cố, kiện toàn.

2. Những tồn tại, hạn chế:

- Công tác tuyên truyền chưa đạt được hiệu quả cao, hình thức, nội dung tuyên truyền vẫn chưa đi sâu đi rộng đến từng đối tượng người dân trên địa bàn.

- Trong 6 tháng đầu năm 2022 xảy ra 04 vụ phạm pháp hình sự (so với cùng kỳ năm 2021 tăng 50%) cụ thể từng tội danh, nhóm tội danh như sau: (nhóm tội xâm phạm quyền sở hữu: 03 vụ; nhóm tội xâm phạm tính mạng sức khỏe, nhân phẩm: 01 vụ). Tổng thiệt hại về tài sản do tội phạm gây ra ước tính khoảng: 20 triệu đồng. Qua đó, có thể đánh giá được ở một số nhóm tội danh giảm nhưng một số nhóm tội danh mới lại phát sinh, chủ yếu là trộm cắp tài sản.

- Tình trạng sử dụng rượu bia của người dân trên địa bàn vẫn thường xuyên; không chỉ ở những người độ tuổi trưởng thành, người lớn tuổi mà ở số người sử dụng là trẻ em, người chưa thành niên; những hậu quả để lại như: gây mất an ninh trật tự trên địa bàn; ảnh hưởng xấu đến sức khỏe, khả năng, năng suất làm việc…Tuy nhiên, để hạn chế tình trạng này trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số

[11] Trong đó: Chứng thực hợp đồng CNQSDĐ, tặng cho là 13 trường hợp. Chứng thực bản sao từ bản chính là 136 trường hợp. Chứng thực chữ ký là 81 trường hợp.

nói riêng và địa bàn xã nói riêng đến nay vẫn chưa có kế hoạch, phương pháp tuyên truyền hợp lý.

- Công tác tuyên truyền, vận động các đối tượng đi tiêm vắc xin phòng Covid-19 còn thấp, nhất là tỷ lệ người đi tiêm mũi tăng cường (đạt 89%).

- Công tác đào tạo nghề chưa đáp ứng được yêu cầu, nguyện vọng của người dân, chưa mở được lớp đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo kế hoạch đăng ký.

IV. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU CẦN TẬP TRUNG THỰC HIỆN TRONG 6 THÁNG CUỐI NĂM 2022

1. Kinh tế:

1.1. Trồng trọt: Tập trung chỉ đạo, hướng dẫn Nhân dân chăm sóc, sản xuất vụ mùa, tăng thu nhập bình quân đầu người, chuyển đổi cơ cấu cây trồng. Theo dõi tình hình dịch bệnh trên cây trồng và vật nuôi.

1.2. Chăn nuôi: Duy trì đàn gia súc gia cầm trên địa bàn xã, tiếp tục tuyên truyền, triển khai các chương trình lai tạo hóa đàn bò, nạc hóa đàn heo. Chủ động công tác phòng ngừa dịch bệnh ở đàn gia súc, gia cầm nhất là vào thời điểm giao mùa và tiếp tục triển khai công tác phun hóa chất tiêu độc khử trùng chuồng trại, tiêm đầy đủ các loại vaccin được hỗ trợ cho gia súc, gia cầm.

1.3. Công tác quản lý bảo vệ rừng: Tăng cường công tác phối hợp giữa Kiểm lâm địa bàn với các ban ngành đoàn thể xã và các thôn, làng để làm tốt công tác bảo vệ rừng, triển khai thực hiện kế hoạch trồng rừng năm 2022 đạt chỉ tiêu huyện giao. Chỉ đạo Công an, Quân sự, Kiểm lâm địa bàn và Tổ tuần tra cơ động thường xuyên tuần tra, bảo vệ rừng theo kế hoạch đã được phê duyệt để kịp thời phát hiện và xử lý các vụ việc xâm hại về rừng.

1.4. Chương trình Nông thôn mới: Chủ động rà soát, đánh giá lại các tiêu chí Nông thôn mới, tham mưu đánh giá, lựa chọn tiêu chí đăng ký trong năm 2023.

1.5. Công tác quản lý nhà nước về tài nguyên, môi trường: Tiếp tục tuyên truyền vận động Nhân dân trong công tác bảo vệ tài nguyên, khoáng sản. Thường xuyên kiểm tra việc xây dựng trái phép trên địa bàn xã, vi phạm chỉ giới xây dựng. Hoàn thiện thủ tục, hồ sơ điều chỉnh quy hoạch khu trung tâm xã. Chỉ đạo rà soát các hộ dân có đất tại tuyến đường Kon Gang- Hải Yang.

1.6. Công tác thu chi tài chính: Rà soát các khoản thu trên địa bàn, thu đúng, thu đủ, chống thất thu ngân sách. Tiếp tục triển khai thu ngân sách năm 2022 đạt và vượt chỉ tiêu giao. Tiết kiệm, cắt giảm những khoản chi không thật sự cần thiết để đảm bảo chi lương, chi hoạt động và những khoản phát sinh đột xuất.

Thực hiện các thủ tục đăng tải thông tin đấu thầu qua mạng để lựa chọn nhà thầu thi công theo quy định đảm bảo thời gian.

2. Văn hóa - xã hội:

2.1. Giáo dục – Đào tạo: Chỉ đạo cho Ban Chỉ đạo hoạt động hè tổ chức tốt công tác sinh hoạt hè cho thanh thiếu nhi và học sinh toàn xã. Phối hợp với các

trường bảo vệ tài sản trong thời gian nghỉ hè. Chuẩn bị tốt công tác khai giảng năm học 2022-2023, duy trì số lượng học sinh, nâng cao chất lượng dạy và học. Đảm bảo trẻ đúng độ tuổi đến trường đạt 100%.

2.2. Văn hóa, thông tin, thể thao: Tuyên truyền chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của nhà nước. Tiếp tục tuyên truyền, vận động người dân thực hiện tốt các biện pháp phòng, chống dịch, vận động người dân thực hiện tốt các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19 và đi tiêm phòng Covid-19 đạt chỉ tiêu giao.

2.3. Y tế, dân số - gia đình và trẻ em: Đảm bảo công tác khám chữa bệnh cho Nhân dân, đặc biệt là đồng bào dân tộc thiểu số, vận động chị em thực hiện kế hoạch hóa gia đình. Chỉ đạo Trạm y tế xã tham mưu xây dựng Kế hoạch tổ chức đợt ra quân triển khai phát quang phòng chống sốt xuất huyết, phòng chống sốt rét. Tiếp tục triển khai thực hiện nghiêm các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19 đảm bảo theo các nội dung hướng dẫn của cấp trên; đảm bảo công tác tiêm chủng, nâng tỷ lệ bao phủ vắc xin trên địa bàn.

2.4. Công tác phòng, chống dịch Covid-19: UBND xã tiếp tục triển khai chỉ đạo các thành viên BCĐ phòng, chống dịch Covid-19 xã, cán bộ, công chức xã phối hợp với thôn nắm tình hình và kịp thời báo cáo khi có các vấn đề phát sinh; tuyên truyền đề cao cảnh giác, phản bác các thông tin tiêu cực, không đúng về tình hình dịch bệnh, gây tâm lý hoang mang trong dân. Tiếp tục triển khai thực hiện nghiêm các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19 đảm bảo theo các nội dung hướng dẫn của cấp trên; đảm bảo công tác tiêm chủng, nâng tỷ lệ bao phủ vắc xin trên địa bàn.

2.5. Lao động – Thương binh và Xã hội: Tổ chức các hoạt động kỷ niệm 75 năm ngày thương binh liệt sĩ (27/7/1947-27/7/2022). Thực hiện đồng bộ các chính sách an sinh xã hội đối với các đối tượng hộ nghèo, cận nghèo, người có công, người dân tộc thiểu số. Tập trung thực hiện tốt các chương trình mục tiêu quốc gia, các chính sách dân tộc, chính sách tôn giáo, chính sách xã hội, chính sách y tế. Thực hiện điều tra rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình đảm bảo công khai, công bằng, minh bạch, đúng quy trình, đúng đối tượng. Triển khai Kế hoạch đào tạo nghề năm 2022 tại các thôn trên địa bàn xã. Giải quyết kịp thời các chế độ chính sách đối với người có công với cách mạng, các đối tượng bảo trợ xã hội.

2.6. Công tác Dân tộc – Tôn giáo: Triển khai tuyên truyền, vận động người dân không để xảy ra tình trạng tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống trên địa bàn;t iếp tục tham mưu hực hiện công tác quản lý nhà nước về tôn giáo trên địa bàn, theo dõi, nắm tình hình hoạt động của các điểm nhóm, kịp thời phát hiện những vấn đề phát sinh.

3. Nội chính:

3.1. An ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội:

- Chỉ đạo Công an xã tiếp tục thực hiện công tác bám địa bàn, quản lý các loại đối tượng, thực hiện hiệu quả công tác phối hợp, tham mưu cấp ủy, chính quyền trong công tác đảm bảo AN-TT trên địa bàn; thực hiện và làm tốt công tác hưởng ứng, phát động phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ.

- Phối hợp với Công ty cao su, công ty cà phê ĐakKrong, các xã giáp ranh địa bàn thực hiện tốt công tác phối kết hợp trong đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn xã.

- Thực hiện tốt công tác tuyên truyền trên môi trường không gian mạng; phản bác, đấu tranh với các luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch;

- Tổ chức lực lượng tuần tra, kiểm soát địa bàn đảm bảo TTAT giao thông, đảm bảo tình hình ANTT. Lập kế hoạch phối hợp gọi hỏi răn đe, giáo dục các đối tượng tù treo, tù tha về, đối tượng hình sự, đối tượng thanh thiếu niên hư hỏng; đối tượng hệ an ninh.

- Tăng cường công tác kiểm tra nhân khẩu, quản lý chặt chẽ các đối tượng hình sự, tù án treo, tù tha về và đối tượng thanh thiếu niên hư tại địa phương.

- Tổ chức tuyên truyền vận động Nhân dân, các cơ sở mua bán tạp hóa, doanh nghiệp trên địa bàn xã tham gia lắp đặt Camera an ninh. Đề xuất Ban PCTP xã tiếp tục thực hiện kế hoạch "camera an ninh" nhằm giúp phát hiện, ngăn chặn các hành vi vi phạm trên địa bàn.

3.2. Công tác quốc phòng -quân sự địa phương:

- Tiếp tục quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết TW8 (khóa IX) về *"chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới"*; Nghị quyết số 28-NQ/TW của Bộ Chính trị; Luật Quốc phòng; Luật Dân quân tự vệ; Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh; chỉ đạo các thôn, làng tăng cường các biện pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về quốc phòng, chủ trương, giải pháp xử lý hiệu quả các tình huống xảy ra trên địa bàn.

- Quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm các Chỉ thị, Mệnh lệnh về công tác sẵn sàng chiến đấu; phối hợp chặt chẽ với các ban ngành, đoàn thể, các tổ chức chính trị xã hội chủ động nắm tình hình, kịp thời xử lý các tình huống, không để bị động bất ngờ. Thực hiện nghiêm kế hoạch SSCĐ bảo vệ các sự kiện chính trị quan trọng. Thực hiện tốt quy chế phối hợp giữa Quân sự - Công an theo Nghị định 03/2019/NĐ-CP và Nghị định 02/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

- Chỉ đạo làm tốt công tác tuyển quân năm 2023. Sơ tuyển, khám tuyển, tổ chức thâm nhập theo đúng quy trình.

- Tổ chức huấn luyện quân sự, giáo dục chính trị cho lực lượng dân quân cơ động, lực lượng dân quân tại chỗ, dân quân binh chủng đủ nội dung, chương trình; đổi mới phương pháp huấn luyện, nâng cao khả năng SSCĐ cho lực lượng dân quân. Phấn đấu kết quả huấn luyện bảo đảm 100% đạt yêu cầu *(trong đó có 76% trở lên đạt khá, giỏi)*.

- Bảo đảm tốt vũ khí, trang bị kỹ thuật cho lực lượng dân quân trong huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu; phòng chống cháy nổ, bảo đảm tuyệt đối an toàn.

3.3. Công tác tuyên truyền pháp luật, giải quyết các TTHC và đơn thư, khiếu nại của công dân: Nâng cao hiệu quả thực hiện công tác cải cách hành chính, duy trì công tác tiếp dân thường xuyên và định kỳ theo đúng quy định; tiếp nhận và giải quyết đơn thư theo thẩm quyền, dứt điểm, không để tồn đọng kéo dài và hạn chế đơn thư vượt cấp. Nâng cao chất lượng hoạt động của tổ một cửa, triển khai mô hình một cửa liên thông, một cửa hiện đại; giải quyết các thủ tục hành chính như đất đai, hộ tịch, chứng thực,… nhanh gọn, đúng quy định. Tiếp tục duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của Ủy ban nhân dân xã.

4. Công tác xây dựng chính quyền:

Phối hợp với Ủy ban MTTQVN xã triển khai công tác bầu cử Thôn trưởng, thôn phó nhiệm kỳ 2022-2025 trên địa bàn xã.

Tăng cường công tác phối hợp với Mặt trận và các đoàn thể trong công tác tập hợp, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, tuyên truyền vận động nhân dân thực hiện tốt chủ trương chính sách của Đảng và pháp luật của nhà nước; thực hiện tốt các giải pháp phát triển kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội, an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

Các giải pháp:

+ Đẩy mạnh công tác tuyên truyền sâu rộng trong cán bộ và nhân dân để nâng cao nhận thức, trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ phát triển phát triển kinh tế - xã hội năm 2022 đạt và vượt chỉ tiêu đề ra. Nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước, đẩy mạnh công tác cải cách hành chính trên các lĩnh vực, chấn chỉnh lế lối, tác phong làm việc của cán bộ, công chức trong thực thi công vụ. Tập trung thực hiện tốt các chính sách, Nghị quyết, Quyết định của cấp trên. Cụ thể hóa kịp thời các chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội phù hợp với tình hình thực tế địa phương, chủ động và đề xuất kịp thời trong quá trình triển khai thực hiện.

+ Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo đối với sự nghiệp giáo dục, y tế, văn hóa và thể thao. Đẩy mạnh đào tạo nghề cho lao động nông thôn để giải quyết việc làm sau đào tạo.

+ Thực hiện có hiệu quả công tác khiếu nại tố cáo, giải quyết tốt các vấn đề bức xúc của xã hội, tăng cường công tác đấu tranh phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, đảm bảo an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội.

+ Tiếp tục thực hiện cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" nhằm nâng cao nhận thức và ý thức chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong cán bộ và nhân dân.

+ Thực hiện tốt quy chế phối hợp hoạt động giữa các ngành, UBND xã với UBMTTQVN và các đoàn thể.

+ Yêu cầu các ngành, các đơn vị, Ban nhân dân các thôn, làng nghiêm túc thực hiện chế độ thông tin, báo cáo định kỳ tháng, quý, 6 tháng, năm theo quy định.

V. ƯỚC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2022

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Năm 2022			Đạt, không đạt so với Kế hoạch
			Kế hoạch	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2022	Ước thực hiện năm 2022	
A	**KINH TẾ**					
	Thu nhập bình quân đầu người	triệu đồng/ người/năm	23,5		23,5	Đạt
I	**TRỒNG TRỌT**					
	1. Diện tích cây trồng	**Ha**	**4,119**	**3,583**	**3,832**	
	Trong đó: Diện tích gieo trồng	Ha	534	395	534	Đạt
1.1	**Cây Lương thực**	**Ha**	**356**	**279**	**356**	Đạt
-	Lúa cả năm	Ha	353	279	353	Đạt
	- Lúa đông xuân	Ha	109	109	109	Đạt
	NS	Tấn	5.63	3.5	3.5	
	SL	Tấn	614	382	382	
	- Lúa mùa	Ha	244	170	244	Đạt
	NS	Tấn	4.88		4	
	SL	Tấn	1,191	0	976	
-	Ngô cả năm	Ha	3		3	Đạt
	Tr.đó: Ngô lai	Ha	3	2	3	
	NS	Tấn	4.4		4.4	
	SL	Tấn	13	0	13	
1.2	**Cây tinh bột củ**	**Ha**	**118**	**78**	**118**	Đạt
-	Sắn cả năm	Ha	103	70	103	Đạt
	NS	Tấn	16.4		16.4	
	SL	Tấn	1,689	0	1,689	
-	Khoai lang	Ha	15	8	15	Đạt
	NS	Tấn	8.93		8.93	
	SL	Tấn	134	0	134	
1.3	**Cây thực phẩm**	**Ha**	**59**	**37**	**59**	Đạt
-	Đậu đỗ các loại	Ha	8	5	8	Đạt
	NS	Tấn	2.11		2.11	
	SL	Tấn	17	0	17	
-	Rau xanh các loại	Ha	51	32	51	Đạt
	NS	Tấn	8.7		8.7	
	SL	Tấn	444	0	444	
1.4	**Cây Chanh dây**	**Ha**	**51**	**35**	**51**	Đạt

1.5	**Cây NN khác (hoa, cây cảnh….)**	**Ha**	**1**	1	1	Đạt
1.6	**Cây lâu năm**	**Ha**	**3,121**	**2,871**	**2,871**	Không đạt
-	Cao su tổng số	Ha	682	432	432	Không đạt
	K.Doanh	"	395	132	132	
	Năng suất	tấn	1.24		1.24	
	Sản lượng	tấn	490	0	164	
-	Cà phê tổng số	Ha	2,375	2,375	2,375	Đạt
	K.Doanh	"	2,015	2,295	2,295	
	NS	Tấn	3.03		3	
	SL (cà phê nhân)	Tấn	6,105	0	6,885	
-	Tái canh	Ha	22	10	22	Đạt
-	Cây tiêu	Ha	64	64	64	Đạt
	K.Doanh	Ha	55	63	63	
	NS	Tấn	4.01		4.1	
	SL	Tấn	221	0	258	
1.7	**Cây ăn quả, cây dược liệu, cây lâu năm khác,...**	**Ha**	**413**	**282**	**376**	
	+ Cây ăn quả	Ha	286	280	286	Đạt
	+ Cây dược liệu	Ha	39	2	2	Không đạt
	+ Cây lâu năm khác	Ha	88		88	Đạt
II	**CHĂN NUÔI**					
1	**Quy mô đàn gia súc**	**Con**	**3,029**	**3,029**	**3,029**	Đạt
-	Đàn bò tổng số	Con	1,155	1,155	1,155	
-	Đàn heo tổng số	Con	1,874	1874	1874	
2	Tỷ lệ lai hóa đàn bò	%	45	45	45	Đạt
	Tỷ lệ lai hóa đàn heo	%	79	79	79	Đạt
3	Sản phẩm chăn nuôi	Tấn	292		292	Đạt
	Thịt trâu bò hơi	Tấn	96		96	
	Thịt heo hơi	Tấn	196		196	
III	**LÂM NGHIỆP**					
	Trồng cây phân tán	Ha	10		10	Đạt
	Trồng rừng tập trung	Ha	40		40	Đạt
IV	**THỦY SẢN**					
1	**Tổng diện tích**	**ha**	3	3	3	
	Trong đó: DT nuôi trồng	ha	1.8	1.8	1.8	Đạt
2	**Tổng sản lượng**	**tấn**	7.5		7.5	
	Trong đó: SL nuôi trồng	tấn	6.3		7.5	Đạt
V	**XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI**					

	Đạt thêm tiêu chí Nông thôn mới	Tiêu chí	1		1	Đạt
VI	**CÔNG NGHIỆP**					
1	Sản phẩm cơ khí các loại	tấn	34		34	Đạt
2	Xay xát lương thực	tấn	1,890	305.2	1,890	Đạt
3	Điện sản xuất	Triệu KWH	3		3	Đạt
VII	**DỰ TOÁN NGÂN SÁCH**					
1	Thu NSNN trên địa bàn	Tr.đ	517	562.5	651.4	Đạt
2	Tổng thu ngân sách xã	Tr.đ	4,571.2	2,810.5	5,885.4	Đạt
3	Tổng chi ngân sách địa phương	Tr.đ	4,571.2	1,927.6	5,688.6	Đạt
B	**VĂN HÓA - XÃ HỘI**					
I	**Tổng số hộ**	**Hộ**	**1,090**		**1,090**	
	- Tổng số hộ nghèo	Hộ	339		339	Đạt
	- Số hộ thoát nghèo	Hộ	70		70	Đạt
	- Giảm tỷ lệ hộ nghèo	%	6.42		6.42	Đạt
	+ Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo trong ĐB DTTS	%	11.47		11.47	Đạt
II	**Lao động, việc làm**					
1	Số người trong độ tuổi lao động	người	2,435	2,435	2,435	Đạt
2	Lao động được giải quyết việc làm. Tr.đó:	người	73	114	132	
	- Giải quyết việc làm qua các hình thức: Vay vốn từ NHCS, tuyển dụng tại các CSSXKD-DV, doanh nghiệp…	người	70	114	132	Đạt
	- Vay vốn GQVL và XK lao động	người	3	0	0	Đạt
3	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	38	38	38	Đạt
	Số lao động qua đào tạo	Người	891	891	891	Đạt
III	**Dân số**					
1	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	%	1.39		1.39	Đạt
IV	**Giáo dục - Đào tạo**					
1	Tổng số học sinh	Học sinh	744		779	Đạt
	- Mẫu giáo	cháu	200		200	
	- Tiểu học	Học sinh	343		400	
	- Trung học cơ sở	Học sinh	201		179	

2	Tỷ lệ huy động trẻ em trong độ tuổi đến trường					
	-Tỷ lệ huy động trẻ em Mẫu giáo trong độ tuổi đến trường	%	87		87	Đạt
	-Tỷ lệ huy động học sinh Tiểu học trong độ tuổi đến trường	%	99		99	Đạt
	-Tỷ lệ huy động học sinh THCS trong độ tuổi đến trường	%	98		98	Đạt
V	**Văn hóa - Thể dục, thể thao**					
1	Số thôn, làng văn hóa công nhận hàng năm	thôn, làng	5		5	Đạt
2	Số gia đình văn hóa công nhận mới	gia đình	119		119	Đạt
3	Tỷ lệ thôn đạt chuẩn khu dân cư văn hóa	%	100		100	Đạt
VI	**Tỷ lệ người dân tham gia BHYT**	**%**	**98**	90	93	Không đạt
VII	**Môi trường**					
1	Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh	%	97.5	100	100	Đạt
C	**PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP, HỢP TÁC XÃ**					
1	Số doanh nghiệp thành lập mới	**DN**	1	0	0	Không đạt
2	Số hợp tác xã thành lập mới	**HTX**	1	0	0	Không đạt

PHẦN THỨ HAI
KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2023

I. BỐI CẢNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2023

- Là một xã thuần nông, kinh tế phát triển dựa trên cây trồng nên đất dành cho sản xuất nông nghiệp mang ý nghĩa quan trọng đối với người dân trên địa bàn xã. Vì vậy, trong quá trình quy hoạch cần lưu ý xây dựng trên quỹ đất chưa sử dụng và đất nông nghiệp nhỏ lẻ năng suất thấp.

- Các quy hoạch từ chương trình xây dựng nông thôn mới được lập, phê duyệt như quy hoạch chung, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch phát triển sản xuất,

quy hoạch mạng lưới điểm dân cư nông thôn sẽ làm cơ sở cho xã triển khai lồng ghép các dự án đầu tư, phát triển sản xuất theo bộ tiêu chí Quốc gia về xây dựng Nông thôn mới.

Các yếu tố dự kiến có tác động tích cực:

- Là xã có quỹ đất lớn, có khả năng về sản xuất nông nghiệp và có điều kiện phát triển các loại cây công nghiệp kết hợp với trồng cây nguyên liệu giấy, trồng mì, cà phê, cao su, bời lời ...

- Có các tuyến giao thông thuận tiện cho việc giao lưu hàng hoá.

- Có quỹ đất đảm bảo an ninh lương thực tại chỗ.

- Có cơ sở hạ tầng cấp vùng, được đầu tư theo hướng đồng bộ.

Các yếu tố dự kiến có tác động tiêu cực:

- Thời tiết như hiện nay là nắng kéo dài tiếp tục diễn biến bất thường sẽ tác động tiêu cực đến sản xuất nông nghiệp, nhất là tại các vùng canh tác không chủ động nước tưới. Tình hình dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm; sâu bệnh trên cây trồng (rệp sáp, ve sầu hại trên cây cà phê…) sẽ làm giảm năng suất và chất lượng của các loại cây trồng và vật nuôi.

- Giá cả các mặt hàng nông sản (cà phê, cao su, hồ tiêu…) không ổn định tác động đến tâm lý của nhân dân dẫn đến tình trạng bán vườn cây hoặc chặt bỏ để chuyển đổi sang các loại cây trồng khác…

- Đời sống Nhân dân tại các khu vực giáp ranh khó khăn sẽ gia tăng sức ép lên công tác quản lý bảo vệ rừng; tình trạng phá rừng làm nương rẫy của một bộ phận Nhân dân và khai thác, vận chuyển lâm sản trái phép trên địa bàn sẽ tiếp tục diễn biến phức tạp.

II. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT

- Kết hợp phát triển kinh tế với an ninh quốc phòng, Phát triển kinh tế nông nghiệp, chủ yếu là cây công nghiệp, cây ngô, mì, lúa nước, cao su, cà phê, bạch đàn, keo, đậu đỗ các loại...

- Đầu tư công nghệ theo hướng sản xuất hiện đại, kết hợp với mô hình kinh tế trang trại, dịch vụ...Nâng cao chất lượng không gian sống, chú trọng tới không gian ở và hạ tầng xã hội.

- Phấn đấu phát triển kinh tế, xã hội, môi trường địa phương bền vững nhằm giảm tỷ lệ hộ nghèo từ 6.42% năm 2022 xuống 6.43% năm 2022, hướng đến hoàn thành các tiêu chí xây dựng nông thôn mới, đảm bảo an ninh chính trị và an toàn xã hội.

III. MỤC TIÊU CHỦ YẾU

1. Các chỉ tiêu chủ yếu

Trên cơ sở kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 của xã, dự ước năm 2022 đạt được các mục tiêu, chỉ tiêu, UBND xã dự kiến các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 như sau:

1.1. Các chỉ tiêu kinh tế

(1) Thu nhập bình quân đầu người: 24 triệu đồng/người/năm

(2) Diện tích cây trồng chủ yếu:

- Diện tích lúa đông xuân: 109 ha.

- Diện tích lúa vụ mùa: 244 ha

- Cây công nghiệp dài ngày: 2871 ha (cao su 432 ha, cà phê: 2375 ha, tiêu: 64 ha)

- Diện tích tái canh cây cà phê: 22 ha

- Diện tích cây ăn quả và cây dài ngày khác: 410ha.

(3) Thu ngân sách đạt 100% kế hoạch giao.

(4) Tổng đàn gia súc: 3.029 con (trong đó: bò lai 50%, heo lai 80%).

1.2. Các chỉ tiêu văn hóa - xã hội

(5) Duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục Tiểu học, THCS.

(6) Tỷ lệ huy động trẻ đến trường đạt: 98%.

(7) Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên giảm còn: 1,38%.

(8) Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt: 94%.

(9) Phấn đấu đến năm 2025 có 05/5 thôn duy trì đạt thôn, làng văn hóa; hộ gia đình văn hóa là 119 hộ.

(10) Tỷ lệ hộ nghèo giảm còn dưới: 6,43%.

1.3. Các chỉ tiêu môi trường

III. Dự kiến một số cân đối của xã năm 2023

1. Lao động và việc làm

- Số người trong độ tuổi lao động: 2435 người
- Lao động được giải quyết việc làm: 73 người. Tr.đó:

+ Giải quyết việc làm sau đào tạo nghề: 70 người

+ Vay vốn GQVL và XK lao động: 3 người

2. Cân đối thu, chi ngân sách

- Tổng thu cân đối ngân sách xã dự kiến là: 435.000.000đ

+ Thu các khoản phí, lệ phí: 15.000.000đ

+ Thu khác và phạt các loại: 30.000.000đ

+ Thu phạt ATGT: 5.000.000đ

+ Thu lệ phí trước bạ nhà đất: 50.000.000đ

+ Thu thuế TNCN từ chuyển quyền SD đất: 300.000.000đ

+ Thu thuế GTGT: 3.000.000đ

+ Thu tiền sử dụng đất: 32.000.000đ

- Tổng chi ngân sách xã dự kiến khoảng: 5.734.428.000đ

IV. CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Lĩnh vực kinh tế:

1.1. Phát triển chuỗi giá trị (ngành hàng) ưu tiên:

- *Mục tiêu:* Phát triển chuỗi giá trị cà phê, chăn nuôi bò, heo và nâng cao khả năng liên kết giữa người sản xuất và các cơ sở đầu ra.

- *Giải pháp thực hiện:* Hỗ trợ hạ tầng sản xuất cho nhóm, tập huấn cho nhóm về kỹ thuật sản xuất gắn với xây dựng mô hình các cây trồng, vật nuôi. Hỗ trợ nâng cấp đường tới các khu sản xuất để phục vụ cho việc vận chuyển nông sản.

1.2. Nông, lâm, ngư nghiệp:

a) Trồng trọt:

- *Mục tiêu:* Ổn định diện tích canh tác và tái canh, nâng cao chất lượng, năng suất cây cà phê 3 tấn/ha, nâng cao chất lượng cây hồ tiêu 4,0 tấn/ha.

- *Giải pháp thực hiện*: Sản xuất đồng loạt theo lịch thời vụ, làm tốt công tác phòng chống dịch bệnh trên cây trồng. Chủ động đưa các loại cây có giá trị kinh tế cao vào sản xuất như mắc ca, cà phê, lúa J02.

b) Chăn nuôi:

- *Mục tiêu:* Phát triển, ổn định số lượng và chất lượng đàn bò là 1155 và đàn heo giữ vững 1874 con trong năm 2023. Hỗ trợ người chăn nuôi kết nối thị trường, giúp cho người nghèo vươn lên thoát nghèo. Bà con Nhân dân có kiến thức về chăn nuôi, chăm sóc và phòng bệnh cho vật nuôi.

- *Giải pháp thực hiện:* Vận động Nhân dân áp dụng biện pháp thu tinh nhân tạo để lai hóa đàn bò, đưa heo siêu nạc vào chăn nuôi. Vận động người dân mua vắc xin tiêm phòng cho đàn gia súc, gia cầm nhất là vắc xin viêm da nổi cục trên đàn trâu bò, dịch tả lợn Châu Phi…

c) Lâm nghiệp:

- *Mục tiêu:* Tuyên truyền vận động Nhân dân bảo vệ rừng và hiểu được lợi ích về rừng, trồng rừng đạt chỉ tiêu huyện giao, chăm sóc tốt diện tích rừng đã trồng.

- *Giải pháp thực hiện:* Tăng cường công tác tuyên truyền, lồng ghép tuyên tuyền, công tác phối hợp giữa chính quyền với các thôn, làng. Thực hiện tốt công tác chi trả phí dịch vụ môi trường rừng; thành lập tổ liên ngành và các tổ đội quần chúng bảo vệ rừng. Vận động người dân đăng ký trồng rừng trên đất lâm nghiệp đã có cây nông nghiệp. Tăng cường công tác tuần tra quản lý, bảo vệ rừng.

1.3 Thương mại và Dịch vụ:

- *Mục tiêu:* 60% bà con nông dân biết về thông tin giá cả các loại mặt hàng nông sản và mua bán tập trung để có phần lợi nhuận. Kiểm soát việc mua bán, trao đổi hàng hóa của bà con với các hộ tư thương bán lẻ.

- *Giải pháp thực hiện:* Liên kết với các đại lý thu mua nông sản lớn để tạo đầu ra ổn định cho bà con.

2. Văn hóa, xã hội:

2.1. Giáo dục:

- *Mục tiêu:* Phục vụ nhu cầu của nhân dân và con em đến trường. Đảm bảo đủ phòng học và sinh hoạt cho trẻ, đảm bảo cho trẻ học 2 buổi/ngày đối với Mẫu giáo, cải thiện chất lượng dạy học, sức khỏe và kỹ năng của trẻ. Duy trì tỉ lệ học sinh đến trường, công tác phổ cập GD tiểu học và THCS đạt 98%.

- *Giải pháp thực hiện:* Xây thêm phòng học các trường, xây dựng tường rào và cổng trường, nâng cấp sân trường; trang bị thêm các thiết bị dạy và học. Chỉ đạo Ban Nhân dân các thôn phối hợp với Nhà trường đưa trẻ đến trường, lập danh sách các học sinh có hoàn cảnh khó khăn để có biện pháp hỗ trợ.

2.2. Y tế - Dân số- Kế hoạch hoá gia đình và trẻ em.

- *Mục tiêu*: Nâng cao kiến thức sinh sản cho phụ nữ trong độ tuổi sinh sản và giảm tỉ lệ tăng dân số tự nhiên từ 1,39% xuống còn 1,38%. Nâng cao công tác khám, chữa bệnh cho Nhân dân. Đảm bảo thực hiện công tác tiêm chủng vắc xin phòng Covid-19 đạt tỷ lệ cao.

- *Giải pháp thực hiện:* Tổ chức tập huấn kỹ năng tự chăm sóc bản thân trong thời gian mang bầu cho phụ nữ trong độ tuổi. Tổ chức tuyên truyền về phòng chống sốt rét, sốt xuất huyết cho cộng đồng. Tổ chức các đợt tuyên truyền và lồng ghép tuyền truyền, thông tin trên loa phát thanh xã về phòng chống dịch bệnh. Tuyên truyền, vận động người dân hiểu được ý nghĩa và tầm quan trọng của các mũi tiêm phòng Covid-19, tham gia tiêm chủng đầy đủ.

2.3. Văn hoá thông tin, Thể dục thể thao:

- *Mục tiêu:* Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, công tác tổ chức hoạt động phong trào, tổ chức ngày hội TDTT và các hoạt động thường xuyên của ngành.

- *Giải pháp thực hiện:* Duy trì các giá trị văn hóa truyền thống của địa phương như cồng chiêng; tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao tại các thôn, làng.

2.4. Lao động việc làm và chính sách xã hội:

- *Mục tiêu:* Giải quyết tốt các chính sách cho người có công. Giải quyết cho số lao động nhàn rỗi có công việc ổn định, tăng số lao động được giải quyết. Giảm tỉ lệ hộ nghèo từ 6.42% xuống còn 6,43%.

- *Giải pháp thực hiện:* Mở lớp đào tạo nghề cho lao động nông thôn (ưu tiên cho hộ nghèo). Thực hiện tốt chính sách người có công và chăm lo đời sống gia đình chính sách và đối tượng bảo trợ xã hội; thực hiện tốt việc vận động xây dựng quỹ "Đền ơn đáp nghĩa", "Quỹ vì người nghèo". Giải quyết tốt các vấn đề chính sách xã hội và các lĩnh liên quan đến quyền lợi nghĩa vụ của công dân.

2.5. Vệ sinh môi trường:

- *Mục tiêu:* 100% hộ dân nắm được kiến thức về nước sạch và sử dụng nguồn ước hợp vệ sinh.

- *Giải pháp thực hiện:* Tuyên truyền, vận động nhân dân về nước sạch và đào hố rác trong vườn.

3. Quốc phòng an ninh:

- *Mục tiêu:* Duy trì công tác trực đảm bảo ANCT – TT ATXH; tuần tra, kiểm soát địa bàn, tuyển quân đạt 100% chỉ tiêu, xây dựng lực lượng dân quân; bồi dưỡng kiến thức QPAN cho các đối tượng. Dụng cụ phục vụ công tác ngành và tài sản tịch thu được cất giữ an toàn.

- *Giải pháp thực hiện:* Xây dựng củng cố lực lượng dân quân tự vệ, tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục. Củng cố, kiện toàn Hội đồng GDQP, phối hợp làm tốt công tác tuyển quân…

4. Hoạt động chính quyền:

4.1. Địa chính, đất đai:

- *Mục tiêu:* Tăng cường công tác quản lý đất đai, đúng quy hoạch, đúng mục đích sử dụng đất, kịp thời phát hiện vi phạm tham mưu xử lý theo quy định, đề nghị có biện pháp khắc phục góp phần hoàn thành chỉ tiêu nông thôn mới. Quản lý tốt tài nguyên khoáng sản trên địa bàn.

- *Giải pháp thực hiện:* Triển khai công tác quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn, thực hiện đúng tinh thần chỉ đạo tại Quyết định 19/2022/QĐ-UBND, ngày 29/4/2022 của UBND tỉnh Gia Lai. Tăng cường thực hiện Quy chế phối hợp với xã ĐakKrong về công tác quản lý khoáng sản ở khu vực giáp ranh giữa hai xã.

4.2. Tư pháp hộ tịch:

- *Mục tiêu:* Tổ chức tuyên truyền pháp luật cho Nhân dân hiểu sâu rộng hơn về luật hôn nhân, luật dân sự, chính sách dân tộc tôn giáo… Tổ chức tiếp dân, giải quyết tốt kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của Nhân dân từ cơ sở, không để vượt cấp.

- *Giải pháp thực hiện:* Chú trọng công tác tuyên truyền giáo dục cán bộ, công chức về ý thức chấp hành nghiêm chính sách pháp luật của Nhà nước. Thực hiện tốt công tác tiếp nhận, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân theo quy định. Tăng cường công tác phổ biến giáo dục pháp đến CBCC và các tầng lớp nhân dân. Phối hợp với Mặt trận và các đoàn thể trong công tác tuyên truyền pháp luật, lồng ghép với các buổi họp thôn và trên hệ thống loa truyền thanh của xã.

4.3. Điều hành chính quyền:

- *Mục tiêu:* Xây dựng Đảng, chính quyền thực sự trong sạch vững mạnh, nâng cao hiệu quả công tác quản lý, nâng cao chất lượng hoạt động của HĐND xã và hiệu lực, hiệu quả quản lý điều hành của UBND trong việc thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội của địa phương.

- *Giải pháp thực hiện:* Tổ chức phát động toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc tại 5/5 thôn. Bằng hình thức phát động lồng ghép vào các buổi họp dân, tuyên truyền phổ biến GD pháp luật, tiếp xúc cử tri. Tiếp tục củng cố và nâng cao chất

lượng hoạt động của hệ thống chính trị xã. Quan tâm bồi dưỡng, đào tạo các chức danh chủ chốt của bộ máy chính quyền xã. Công khai minh bạch các chính sách, đề xuất Mặt trận, đoàn thể góp ý xây dựng và giám sát hoạt động của chính quyền. Thực hiện nghiêm giờ giấc làm việc của cán bộ, công chức, duy trì hoạt động tiếp dân theo quy định.

5. Theo dõi giám sát và đánh giá:

- HĐND xã chịu trách nhiệm theo dõi, giám sát và đánh giá việc thực hiện kế hoạch theo kế hoạch xã đã đề ra.

- Giao Trưởng các ban ngành đoàn thể phụ trách theo dõi việc thực hiện các chỉ tiêu, giải pháp thực hiện của ngành mình và đánh giá kết quả thực hiện.

6. Tổ chức, thực hiện:

- Ủy ban nhân dân xã xây dựng kế hoạch chi tiết đối với từng lĩnh vực đã đề xuất trong bản kế hoạch nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2023. Định kỳ theo dõi, đánh giá và báo cáo tình hình thực hiện lên Ủy ban nhân dân huyện, Đảng ủy, HĐND xã.

- Ủy ban nhân dân xã chỉ đạo các ngành chức năng, Ban nhân dân các thôn tuyên truyền, công khai bản kế hoạch và tổ chức thực hiện.

V. KIẾN NGHỊ

- Đề nghị cấp có thẩm quyền bố trí đúng, đủ nguồn vốn để xã thực hiện tốt nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội năm 2023.

- Đề nghị các ngành cấp trên thường xuyên bám sát cơ sở, tăng cường công tác chỉ đạo, hướng dẫn, giúp đỡ UBND xã hoàn thành các chỉ tiêu, mục tiêu đề ra, phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ năm 2023.

Trên đây là kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 của UBND xã Kon Gang./.

Nơi nhận:
-UBND huyện;
- Phòng Tài chính-KH huyện;
- Đảng ủy xã;
- Th/trực HĐND xã;
- CT, PCT UBND xã;
- Cán bộ, công chức xã;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

U.B.N.D XÃ KON GANG H.DAK DOA T.GIA LAI

Phạm Văn Hảo

Số: 74/KH-UBND
Thời gian ký: 28/06/2022 05:33:37 +07:00

BIỂU CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI

Xã Kon Gang **Huyện: Đak Đoa** **Tỉnh Gia Lai**

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	TH 2021	NĂM 2022		KH 2023	SO SÁNH %	
				KẾ HOẠCH	ƯTH		ƯỚC TH 2022/2021	KH 2023/ ƯTH 2022
1	2	3	4	5	6	7	8 = 6/4	9 = 7/6
I	**ĐẤT ĐAI VÀ DÂN SỐ**							
I.1	**Đất đai**	**ha**	6345,52	6345,52	6345,52	6345,52	100	100
1	**Đất nông nghiệp**	***ha***	5862,70	5862,70	5863,32	5863,32	100,01058	100
1.1	- Đất sản xuất nông nghiệp	"	5299,94	5299,94	5300,56	5300,56	100,0117	100
	- Đất trồng cây hàng năm	"	1190,76	1190,76	1190,76	1190,76	100	100
	- Đất trồng lúa	"	323,52	323,52	323,56	323,56	100,01236	100
	+ Đất trồng lúa 1 vụ	"						
	+ Đất trồng lúa 2 vụ	"						
	- Đất cỏ dùng vào chăn nuôi	"						
	- Đất trồng cây hàng năm khác (đất rẫy)	"	867,24	867,24	867,24	867,24	100	100
	- Đất trồng cây lâu năm	"	4109,19	4109,19	4109,81	4109,81	100	100
1,2	- Đất Lâm nghiệp	"	562,76	562,76	562,76	562,76	100	100
	+ Đất rừng sản xuất	"	562,76	562,76	562,76	562,76	100	100
	+ Đất rừng phòng hộ và đặc dụng	"						
2	**Đất phi nông nghiệp**	"	311,18	311,18	310,56	310,56	99,8	100
2.1	- Đất ở	"	39,85	39,85	39,85	39,85	100	100
	+ Đất ở tại nông thôn	"	39,85	39,85	39,85	39,85	100	100
2.2	- Đất chuyên dùng	"	175,59	175,59	175,59	175,59	100	100
	+ Đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp	"	1,11	1,11	1,11	1,11	100	100
	+ Đất quốc phòng, an ninh	"	0,00	0,00	0,00	0,00		
2.3	- Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	"	0,00	0,00	0,00	0,00		
2.4	- Đất có mục đích công cộng	"	166,91	166,91	166,91	166,91	100	100
2.5	- Đất tôn giáo, tín ngưỡng	"	0,00	0,00	0,00	0,00		
2.6	- Đất nghĩa trang , nghĩa địa	"	11,65	11,65	11,65	11,65	100	100
2.7	- Đất sông suối và mặt nước chuyên dùng	"	66,32	66,32	66,32	66,32	100	100
3	**Đất chưa sử dụng**	"	171,64	171,64	171,64	171,64	100	100
3.1	- Đất bằng chưa sử dụng	"	0,30	0,30	0,30	0,30	100	100
3.2	- Đất đồi núi chưa sử dụng	"	171,34	171,34	171,34	171,34	100	100
I.2	**Dân số**							
1.1	- Dân số trung bình	*người*	4475,0	4508,0	4508,0	4577,0	101	102
	Trong đó: Dân tộc thiểu số	*người*	2734,0	2981,0	2981,0	3045,0	109	102
1,2	- Tỷ lệ tăng dân số	*%*	1,46	1,39	1,39	1,38	105	101
1,3	- Tổng số thôn	*thôn*	6,0	5,0	5,0	5,0	120	100
1,4	- Tổng số hộ gia đình	*hộ*	927,0	981,0	1050,0	1055,0	113	100
1,5	- Số phụ nữ sinh con thứ 3 trở lên	*người*	16,0	0,9	0,9	0,8	6	89
1,6	- Số trẻ em sinh ra trong năm	*Cháu*	82,0	80,0	80,0	81,0	98	101
	Trong đó, trẻ em nữ	*người*	38,0	42,0	42,0	45,0	111	107
1,7	- Số người chết	*người*	28,0	12,0	12,0	14,0	43	117
	Trong đó, nữ giới	*người*	10,0	5,0	5,0	6,0	50	120
1,8	- Số người nhập cư	*người*	30,0	15,0	15,0	27,0	50	180
	Trong đó, nữ giới	*người*	10,0	10,0	10,0	18,0	100	180
1,9	- Số người xuất cư	*người*	20,0	25,0	25,0	15,0	125	60
	Trong đó, nữ giới	*người*	0,0	12,0	12,0	10,0		83
1,10	- Số cuộc kết hôn	*vụ*	40	40	40	40	100	100

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	TH 2021	NĂM 2022		KH 2023	SO SÁNH %	
				KẾ HOẠCH	ƯTH		ƯỚC TH 2022/2021	KH 2023/ ƯTH 2022
1,11	- Số vụ ly hôn	*vụ*						
II	**KINH TẾ**							
1	**Thu ngân sách nhà nước**	***Đồng***	**6.298.994.521**	**4.571.200.000**	**5.885.415.925**	**5.734.428.000**	**93**	**97**
1.1	Thu trên địa bàn đã điều tiết	"	547.861.751	383.200.000	495.000.000	435.000.000	90	88
1.2	Thu chuyển nguồn, kết dư		858.687.270		494.415.925			
1.3	Ngân sách huyện bổ sung cho ngân sách xã	"	4.892.445.500	4.188.000.000	4.896.000.000	5.299.428.000	100	108
1.4	Thu đóng góp của nhân dân theo quy định		0	0	0	0		
2	**Chi ngân sách**	"	**5.708.434.096**	**4.722.100.000**	**5.688.644.125**	**5.734.428.000**	**100**	**101**
2,1	***Chi đầu tư phát triển do xã quản lý***	"	**223.500.000**				0	
	- Từ chương trình hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách huyện	"	223.500.000	0	0	0		
	- Nguồn khác	"	0	0	0	0		
2,2	**Chi thường xuyên**	"	**5.252.934.096**	**4.459.100.000**	**4.931.228.200**	**5.471.428.000**	**94**	**123**
	- Chi quản lý hành chính Nhà nước và các khoản chi khác	"	5.252.934.096	4.459.100.000	4.931.228.200	5.471.428.000		*123*
2,3	**Dự phòng**	"	**90.000.000**	**90.000.000**	**90.000.000**	**90.000.000**		**100**
2,4	**Tiết kiệm 10%**		**142.000.000**	**141.000.000**	**141.000.000**	**141.000.000**	**0**	**100**
2,5	**Chi từ tiền sử dụng đất (NTM)**		**0**	**32.000.000**	**32.000.000**	**32.000.000**		**100**
2,6	**Chi nộp trả NS huyện**							
2,7	**Chi chuyển nguồn**				263.552.000			
2,8	**Chi kết dư ngân sách**				230.863.925			
3	**Chi chương trình MT**	"						
4	**Tổng vốn đầu tư trên địa bàn xã**	"						
4.1	***Do cấp trên quản lý***	"						
4.2	***Do xã quản lý***	"						
	+ Từ nguồn ngân sách Nhà nước	"						
	+ Từ các nguồn khác	"	-					
5	**Số doanh nghiệp (hoặc HTX, tổ hợp tác) hoạt động trên địa bàn xã**		1	1	0	1	1	*100*
5,1	Số HTX	*HTX*	*1*	*1*	*0*	*1*	0	*100*
5,2	Số Doanh nghiệp	*DN*	*2*	*1*	*0*	*1*		*100*
6	**Thu nhập bình quân đầu người/1 năm**	*Đồng*	22.500.000	23.500.000	23.500.000	24.000.000	104	102
II	**NÔNG-LÂM-NGƯ NGHIỆP**							
1	**Trồng trọt**							
1.1	Tổng diện tích gieo trồng	*ha*	3775,0	3811,0	3732,0	3639,0	99	97,5
1.2	Trong đó: Diện tích gieo trồng	*ha*	582,0	533,0	573,0	478,0	98	83,4
2	**Cây lương thực**	***Ha***	363,0	356,0	362,0	357,0	100	98,6
2.1	**Lúa cả năm**	***ha***	359	353,0	359,0	353,0	100	98,3
	+ *Năng suất*	*tấn*	3	5,00	4,3	4,3	143	100,0
	+ *Sản lượng*	*tấn*	1077	1765,0	1543,7	1517,9	143	98,3
	- Lúa đông xuân	*Ha*	115	109,0	115,0	109,0	100	94,8
	+ *Năng suất*	*tấn*	4,2	5,63	3,0	3,0	71	100,0
	+ *Sản lượng*	*tấn*	483	613,7	345,0	327,0	71	94,8

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	TH 2021	NĂM 2022		KH 2023	SO SÁNH %	
				KẾ HOẠCH	ƯTH		ƯỚC TH 2022/2021	KH 2023/ ƯTH 2022
	- Lúa ruộng vụ mùa	*Ha*	244	244,0	244,0	244,0	100	100,0
	+ Năng suất	*tấn*	3	4,48	3,50	3,50	117	100,0
	+ Sản lượng	*tấn*	732	1093,1	854,0	854,0	117	100,0
2.2	**Ngô cả năm**	***Ha***	4	3,0	3,0	4,0	75	133,3
	+ Năng suất	*tấn*	3,8	4,4	4,4	4,4	116	100,0
	+ Sản lượng	*tấn*	15,2	13,2	13,2	17,6	87	133,3
	Tr.đó: Ngô lai	*Ha*	4	3,0	3,0	3,0	75	100,0
	+ Năng suất	*tấn*	4	4,4	4,4	4,4	110	100,0
	+ Sản lượng	*tấn*	16	13,2	13,2	13,2	83	100,0
3	**Cây tinh bột có củ**	***Ha***	183,0	118,0	183,0	95,0	100	51,9
3.1	**Sắn cả năm**	***Ha***	103	103,0	103,0	80,0	100	77,7
	+ Năng suất	*tấn*	16,4	16,40	16,40	16,70	100	101,8
	+ Sản lượng	*tấn*	1689,2	1689,2	1689,2	1336,0	100	79,1
3.2	**Khoai lang**	***Ha***	80	15,0	80,0	15,0	100	18,8
	+ Năng suất	*tấn*	8,9	8,93	8,9	8,9	100	100,0
	+ Sản lượng	*tấn*	712	133,95	712,0	133,5	100	18,8
4	**Cây thực phẩm**	***Ha***	36,0	59,0	28,0	26,0	78	
4.1	**Đậu các loại**	***Ha***	8	8,0	8,0	6,0	100	75,0
	Rau xanh các loại	***Ha***	28,0	51,0	20,0	20,0	71	100,0
5.1	**Lạc cả năm**	***Ha***	0,0	0,0	0,0	0,0		
	+ Năng suất	*tấn*	0,0	0,0	0,0	0,0		
	+ Sản lượng	*tấn*	0,0	0,0	0,0	0,0		
7	**Cây công nghiệp dài ngày (1)**	***Ha***	3163,0	3126,0	2999,0	3001,0	95	100,1
7.1	**Cao su tổng số**	***Ha***	727	682,0	552,0	552,0	76	100,0
7.2	**Cà phê tổng số**	***Ha***	2360	2375,0	2378,0	2380,0	101	100,1
	Trồng mới	*"*	8	0,0	3,0	3,0		100,0
	Tái canh	*"*	22	22,0	22,0	14,0	100	63,6
	Kinh doanh	*"*	2100	2015,0	2185,0	2290,0	104	104,8
	+ Năng suất	*tấn*	3	3,03	3,5	3,5	117	100,0
	+ Sản lượng (cà phê nhân)	*tấn*	6300,0	6105,5	7647,5	8015,0	121	104,8
7.3	**Cây tiêu**	***Ha***	76	69,0	69,0	69,0	91	100,0
	Trồng mới	*Ha*		0,0	0,0	0,0		
	K.Doanh	*"*	46	60,0	65,0	69,0	141	106,2
	+ Năng suất	*tấn*	3	4,01	3,00	3,00	100	100,0
	+ Sản lượng	*tấn*	138	240,6	195,0	207,0	141	106,2
8	**Cây ăn quả, cây dược liệu, cây lâu năm khác,…**	***Ha***	30	152,24	160,0	160,0	533	100,0
9	**Chăn nuôi**							
9.1	**Đàn bò tổng số**	***Con***	1119,0	1155,0	893,0	1100,0	80	123,2
	Tỷ lệ bò lai	*%*	42,6	60,0	42,6	45,0	100	105,6
9.2	**Đàn heo tổng số**	***Con***	2630,0	1874,0	1678,0	1678,0	64	100,0
	Tỷ lệ heo lai	*%*	79,0	83,0	70,0	70,0	89	100,0
III	**XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG**							
3,1	**Giáo dục**							
1	Số trường mầm non và mẫu giáo	trường	0,0	0,0	0,0	0,0	0	0,0

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	TH 2021	NĂM 2022		KH 2023	SO SÁNH %	
				KẾ HOẠCH	ƯTH		ƯỚC TH 2022/2021	KH 2023/ ƯTH 2022
2	Số phòng học, trong đó	phòng	6,0	6,0	5,0	6,0	83	120,0
2,1	*- Phòng kiên cố*	phòng	3,0	3,0	2,0	3,0	67	150,0
2.2	*- Phòng bán kiên cố*	phòng	3,0	3,0	3,0	3,0	100	100,0
2.3	*- Phòng tạm bợ*	phòng	*0,0*	*0,0*	*0,0*	*0,0*		
3	Số giáo viên mầm non và mẫu giáo	giáo viên	0,0	0,0	0,0	0,0	0	0,0
4	Số cháu học sinh mầm non và mẫu giáo	cháu	0,0	0,0	0,0	0,0	0	0,0
5	Số cháu học sinh tiểu học và THCS	học sinh	574,0	585,0	577,0	569,0	101	98,6
	- Số giáo viên nữ	giáo viên	*24,0*	*24,0*	*23,0*	*23,0*	96	100,0
	- Số giáo viên là người dân tộc thiểu số	giáo viên	*3,0*	*3,0*	*3,0*	*3,0*	100	100,0
	- Số giáo viên đạt chuẩn	giáo viên	*32,0*	*32,0*	*25,0*	*25,0*	78	100,0
6	Số phòng học, trong đó	phòng	24,0	28,0	28,0	28,0	117	100,0
6.1	*- Phòng kiên cố*	phòng	17,0	21,0	21,0	21,0	124	100,0
3,2	**Y tế**							
1	Số cán bộ làm việc tại trạm y tế, trong đó	người	5	5	5	5	100,0	100,0
1,1	*- Số cán bộ nữ*	người	4	4	4	4	100,0	100,0
1.2	*- Số cán bộ là bác sỹ*	người	1	1	1	1	100,0	100,0
2	Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm đủ 7 loại vácxin	%	98,0	98,0	98,0	96,0	100,0	98,0
3	Tỷ lệ suy dinh dưỡng của trẻ em dưới 5 tuổi	%	15,8	16,0	16,0	16,0	101,3	100,0
4	Tỷ lệ phụ nữ được khám thai trong thời kỳ mang thai	%	87,0	80,0	80,0	80,0	92,0	100,0
5	- Tỷ lệ người dân sử dụng BHYT	%	100	100	100	96	100,0	96,0
3,3	**Văn hoá - Xã hội**							
1	Số hộ gia đình đạt chuẩn văn hoá mới	hộ	98,0	250,0	250,0	300,0	255,1	120,0
2	Tỷ lệ gia đình đạt tiêu chuẩn văn hóa	%	11,7	21,7	21,7	26,0	185,5	119,8
3	Tổng số hộ nghèo (theo tiêu chuẩn mới của QG)	hộ	409,0	329,0	329,0	259,00	124,3	127,0
	Trong đó số hộ nghèo là người dân tộc thiểu số	*hộ*	379,0	315,00	315,00	252,00	120,3	125,0
4	Tỷ lệ hộ nghèo (theo tiêu chuẩn mới của QG)	%	38,08	30,74	30,74	24,74		
	Trong đó tỷ lệ hộ nghèo là người dân tộc thiểu số	%	92,67	95,74	95,74	97,30	96,8	98,4
5	Tổng số hộ thoát nghèo trong năm	hộ	31,0	80,0	80,0	*70,00*	38,8	114,3

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	TH 2021	NĂM 2022		KH 2023	SO SÁNH %	
				KẾ HOẠCH	ƯTH		ƯỚC TH 2022/2021	KH 2023/ ƯTH 2022
7	Số hộ thiếu đói trong năm	hộ	19,0	53,0	53,0	30,00	35,8	176,7
8	Số khẩu thiếu đói trong năm	khẩu	88,0	275,0	275,0	150,00	32,0	183,3
3,4	**Môi trường**							
1	Số hộ gia đình có công trình hợp vệ sinh	hộ	325,0	325,0	341,0	350,0	104,9	102,6
2	Tỷ lệ hộ gia đình có công trình hợp vệ sinh	%	31,0	31,0	32,0	33,4	103,2	95,9
3	Số vụ cháy, nổ xảy ra	vụ	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0
4	Mức độ thiệt hại do cháy, nổ	%	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0
5	Số vụ thiên tai	vụ	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0
6	Mức độ thiệt hại do thiên tai	triệu đồng	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0



[redacted]

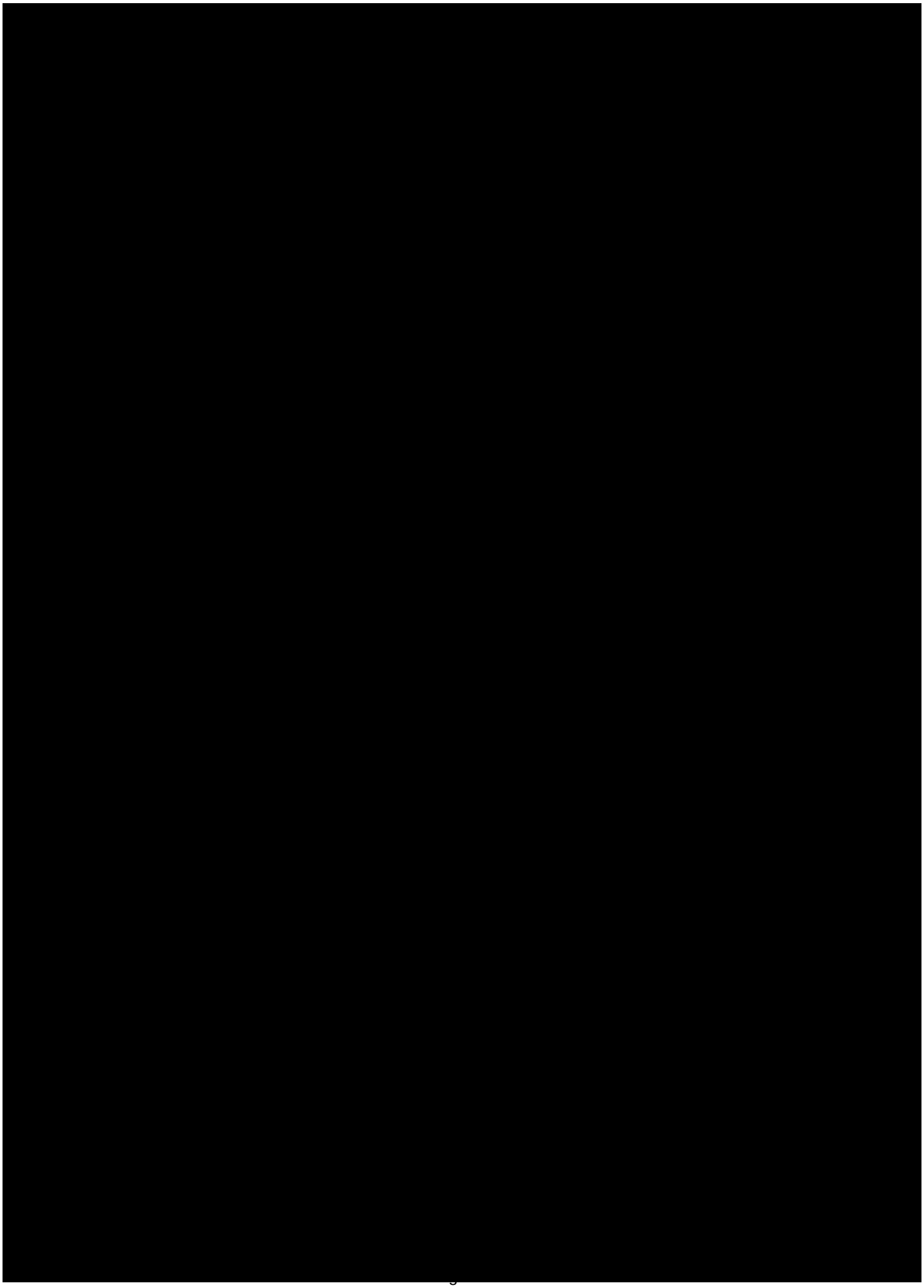
[redacted]

300 275 25









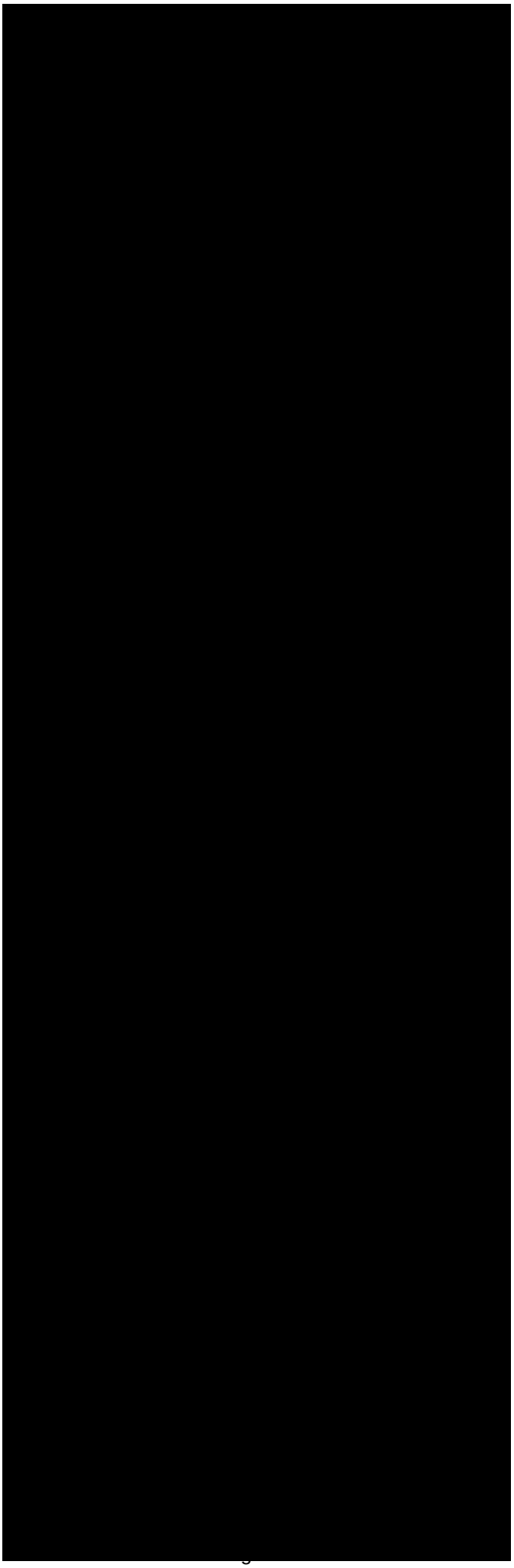


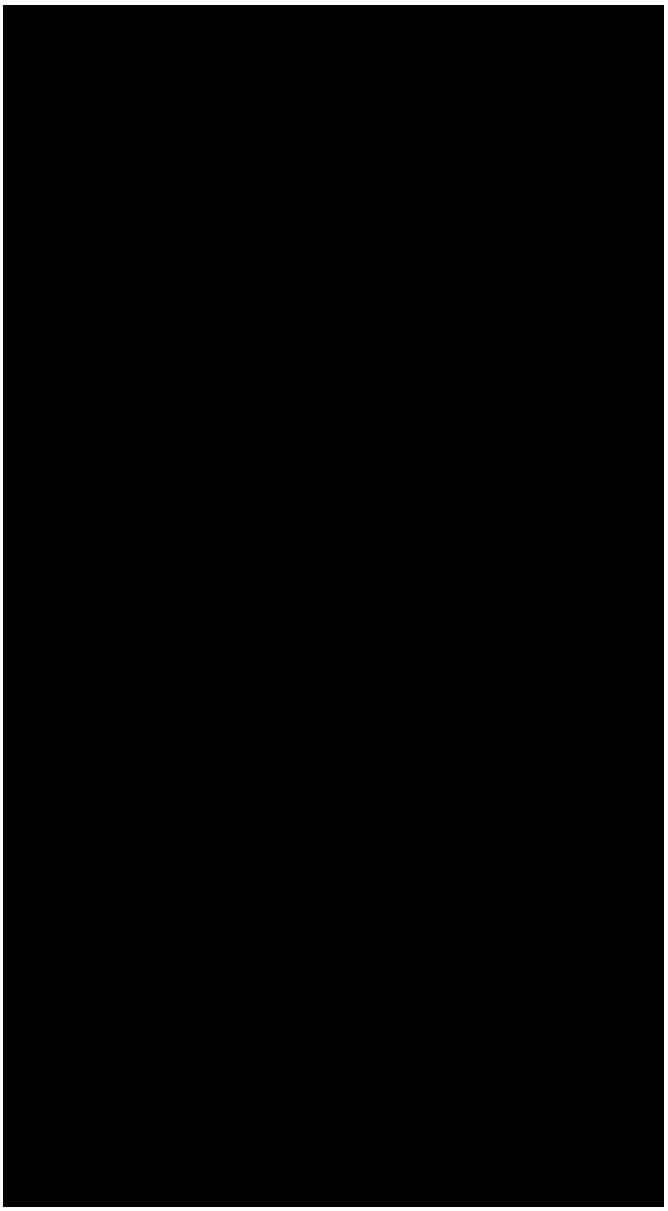


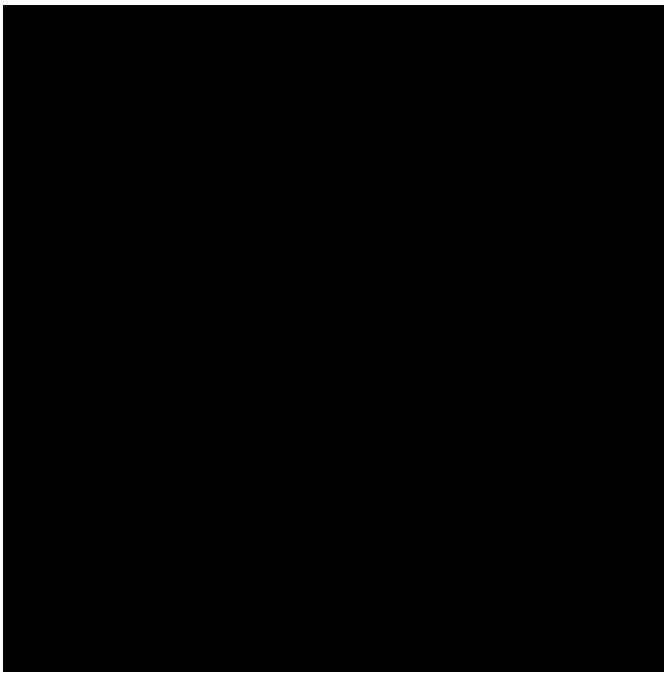














Số: 74/KH-UBND
Thời gian ký: 28/06/2022 05:33:23 +07:00

BIỂU DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ

Xã: Kon Gang **Huyện: Đak Đoa** **Tỉnh: Gia Lai**

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	TH 2021	NĂM 2022		KH 2023	SO SÁNH %	
				KẾ HOẠCH	ƯTH		ƯỚC TH 2022/2021	KH 2023/ ƯTH 2022
1	2	3	4	5	6	7	8 = 6/4	9 = 7/6
A	**TỔNG SỐ THU NGÂN SÁCH XÃ**	Triệu đ	**6.298.994.521**	**4.571.200.000**	**5.885.415.925**	**5.734.428.000**	**93%**	**97%**
I	**Thu ngân sách xã đã qua kho bạc**	"	**6.298.994.521**	**4.571.200.000**	**5.885.415.925**	**5.734.428.000**	**93%**	**97%**
1	***Thu cân đối***		**1.406.549.021**	**383.200.000**	**989.415.925**	**435.000.000**	70%	
1,1	**Các khoản thu hưởng 100%**	"	**983.500.701**	**71.000.000**	**624.415.925**	**100.000.000**	**63%**	**16%**
	- Các khoản phí, lệ phí	"	14.150.000	7.000.000	15.000.000	15.000.000	106%	100%
	- Thu khác và phạt các loại	"	20.018.156	30.000.000	30.000.000	30.000.000	150%	0%
	- Thu phạt ATGT		4.000.000	2.000.000	5.000.000	5.000.000	125%	100%
	- Thuế thuế tài nguyên							
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp							
	- Lệ phí trước bạ nhà đất	"	86.645.275	32.000.000	80.000.000	50.000.000	92%	63%
	- Thu kết dư ngân sách năm trước	"	659.397.054	0	0	0	0%	
	- Thu chuyển nguồn	"	199.290.216	0	263.552.000	0	132%	0%
	Thu kết dư				230.863.925			
	- Thu từ quỹ đất công ích và đất công	"						
	- Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp	"						
	- Đóng góp của nhân dân theo quy định	"						
	- Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước	"						
1,2	**Các khoản thu phân chia**	"	**423.048.320**	**312.200.000**	**365.000.000**	**335.000.000**	**86%**	**92%**
	- Thuế TNCN từ chuyển quyền SD đất	"	378.851.077	277.200.000	330.000.000	300.000.000	87%	91%
	- Thuế TNDN							
	- Thuế GTGT	"	4.197.243	3.000.000	3.000.000	3.000.000	71%	100%
	- Thuế sử dụng đất	"						
	- Thu tiền sử dụng đất		40.000.000	32.000.000	32.000.000	32.000.000	80%	100%

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	TH 2021	NĂM 2022		KH 2023	SO SÁNH %	
				KẾ HOẠCH	ƯTH		ƯỚC TH 2022/2021	KH 2023/ ƯTH 2022
1	2	3	4	5	6	7	8 = 6/4	9 = 7/6
	Các khoản thu phân chia khác do tỉnh quy định	"						
2	***Thu để lại***							
3	***Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên***	"	***4.892.445.500***	***4.188.000.000***	***4.896.000.000***	***5.299.428.000***	**100%**	**108%**
	- Thu bổ sung từ cân đối cấp trên	"	4.019.900.000	4.188.000.000	4.796.000.000	5.199.428.000	119%	108%
	- Thu bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên	"	872.545.500		100.000.000	100.000.000	11%	100%
II.	**Thu ngân sách xã chưa qua kho bạc**	"						
B	**TỔNG CHI NGÂN SÁCH**	Triệu đ	**5.708.434.096**	**4.571.200.000**	**5.688.644.125**	**5.734.428.000**	**100%**	**101%**
1	***Chi ngân sách xã đã qua kho bạc***	"	**5.708.434.096**	**4.571.200.000**	**5.688.644.125**	**5.734.428.000**	100%	101%
1.1	**Chi đầu tư phát triển**	"	**223.500.000**					
	- Chi đầu tư xây dựng cơ bản	"	223.500.000					
	- Chi sự nghiệp nông thôn mới							
1.2	**Chi thường xuyên**	"	**5.252.934.096**	**4.308.200.000**	**4.931.228.200**	**5.471.428.000**	**94%**	**111%**
	- Chi an ninh - quốc phòng	"	***732.833.246***	***531.830.000***	***593.516.000***	***669.516.000***	**81%**	**113%**
	+ Chi an ninh	"	*209.883.299*	*127.690.000*	*189.376.000*	*215.376.000*	90%	114%
	+ Chi quốc phòng	"	*522.949.947*	*404.140.000*	*404.140.000*	*454.140.000*	77%	112%
	- Sự nghiệp giáo dục	"	*0*	*32.000.000*	*32.000.000*	*32.000.000*		100%
	- Sự nghiệp y tế	"	*47.382.000*	*44.700.000*	*44.700.000*	*44.700.000*	94%	100%
	- Sự nghiệp văn hoá thông tin	"						
	- Sự nghiệp môi trường		*64.705.500*	*30.000.000*	*30.000.000*	*30.000.000*	46%	100%
	- Sự nghiệp thể dục thể thao	"	*76.460.000*	*40.000.000*	*40.000.000*	*40.000.000*	52%	100%
	- Sự nghiệp kinh tế	"						
	+ SN Giao thông	"						
	+ SN nông - lâm - thủy lợi - hải sản	"						
	+ Thương mại, dịch vụ	"						
	+ Các sự nghiệp khác	"						
	- Sự nghiệp đảm bảo xã hội	"	**10.000.000**	**20.000.000**	**20.000.000**	**30.000.000**	**200%**	**150%**

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	TH 2021	NĂM 2022		KH 2023	SO SÁNH %	
				KẾ HOẠCH	ƯTH		ƯỚC TH 2022/2021	KH 2023/ ƯTH 2022
1	2	3	4	5	6	7	8 = 6/4	9 = 7/6
	+ Hưu xã và trợ cấp khác	"						
	+ Trẻ mồ côi, người già không nơi nương tựa, cứu tế xã hội	"						
	+ Khác	"	10.000.000	20.000.000	20.000.000	30.000.000	200%	150%
	- Chi quản lý Nhà nước, Đảng, Đoàn thể	"	***4.321.553.350***	***3.609.670.000***	***4.171.012.200***	***4.625.212.000***	***97%***	***111%***
	trong đó:	"						
	+ Quản lý Nhà nước	"	2.612.942.809	2.137.920.000	2.245.647.000	2.542.647.000	86%	113%
	+ Đảng	"	646.682.683	630.855.000	758.965.200	858.965.000	117%	113%
	+ Đoàn thể	"	998.216.358	799.430.000	1.098.473.000	1.148.473.000	110%	105%
	+ Chi Hội NCT, HCTĐ	"	63.711.500	41.465.000	67.927.000	75.127.000	107%	111%
1.3	**Dự phòng**	"	**90.000.000**	**90.000.000**	**90.000.000**	**90.000.000**	**100%**	**100%**
1,4	**10% nguồn tiết kiệm lương**	"	**142.000.000**	**141.000.000**	**141.000.000**	**141.000.000**	**99%**	**100%**
1,5	**Chi từ tiền sử dụng đất (NTM)**			**32.000.000**	**32.000.000**	**32.000.000**		**100%**
1,6	**Chi nộp trả NS cấp huyện**							
1,7	**Chi chuyển nguồn**				**263.552.000**			
1,8	**Chi kết dư ngân sách**				**230.863.925**			
2	***Chi ngân sách xã chưa qua kho bạc***	"						
2.1	Tạm ứng XDCB	"						
2.2	Tạm chi	"						

495.000.000

